NGÔ NGỌC THẮNG

BIÊN SOẠN

NHẠC LÝ CĂN BẢN

THỰC HÀNH

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

NGÔ NGỌC THẮNG
BIÊN SOẠN

NHẠC LÝ CĂN BẢN THỰC HÀNH

Tái bản lần 6

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

LỜI MỞ ĐẦU.

NHẠC LÝ CĂN BẢN là môn học nền tảng để bước vào lĩnh vực âm nhạc.

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC xin giới thiệu tài liệu về lý thuyết âm nhạc này, nhằm góp phần phát triển và nâng cao các chương trình học tập âm nhạc hiện nay như THANH NHẠC(ca hát) NHẠC CỤ(Piano, Violon, Organ, Guitar, Mandoline...)

Nội dung được trình bày từng bài học ngắn, gọn, súc tích phù hợp với mỗi tiết học. Phần lý thuyết đơn giản, dễ hiểu, thực tế, kèm theo các bài tập nhằm trắc nghiệm trình độ tiếp thu của học viên.

Hy vọng NHẠC LÝ CĂN BẢN THỰC HÀNH là người đồng hành, cùng các bạn bước vào con đường âm nhạc với sự thành công mỹ mãn.

NXB. ÂM NHẠC.
1998

DẪN NHẬP

KHÁI NIỆM VỀ ÂM NHẠC

Âm nhạc là nghệ thuật phối hợp các âm thanh.

Giống như ngôn ngữ, âm nhạc có thể truyền đạt được những cảm xúc như : vui hay buồn, ưu tư hay phấn khởi, sầu não hay hân hoan.

Âm nhạc được phát triển ra nhiều hình thức :

1. Nhạc cho đàn : Là các tác phẩm dành cho nhạc cụ : Piano, Violon, Organ, Guitar, Mandolin, Sáo, Đàn, các loại kèn ...

2. Nhạc hát : Nhạc kết hợp với lời ca : Đơn ca, hợp ca, đồng ca, hợp xướng, ca kịch ...

Âm nhạc cũng như các trào lưu nghệ thuật khác, luôn luôn ở trạng thái chuyển động và phát triển theo thời gian. Tuy nhiên, dù ở bất cứ thời điểm nào âm nhạc cũng đã làm tròn sứ mạng của mình đối với con người là tô điểm và làm phong phú thêm cuộc sống tinh thần.

Và có thể nói được rằng, trên thế giới nầy, không có một ai lại không biết đến một điều :

ĐÓ LÀ ÂM NHẠC.

Bài 1

ÂM THANH

Thơ văn dùng đến ngôn từ. Hội họa dùng màu sắc. Điêu khắc dùng các chất liệu. Âm nhạc dùng đến những âm thanh.

Khác với tiếng động (Mưa, gió, tiếng máy nổ, tiếng vỗ tay ...) âm thanh dùng trong âm nhạc phải có những điều kiện sau đây :

1. **Cao độ** : Âm thanh có thể thay đổi từ thấp đến cao.

2. **Cường độ** : Âm thanh phát ra khi mạnh (lớn) khi nhẹ (nhỏ).

3. **Trường độ** : Âm thanh có sự khác biệt về thời gian, khi lâu (dài) khi mau (ngắn).

4. **Âm sắc** : Những âm thanh đã hội đủ 3 yếu tố trên (cao độ, cường độ và trường độ) sẽ có khác biệt về âm sắc.

Thí dụ : Tiếng đàn Tranh hay đàn Bầu gợi lên một nỗi u buồn, ai oán khác với tiếng kèn Trompette thật hùng vĩ và sang sảng - Sự khác nhau đó là âm sắc.

BÀI 2

TÊN NỐT NHẠC

Trong âm nhạc, người ta dùng 7 âm thanh có tên và thứ tự như sau :

ĐÔ, RÊ, MI, FA, SOL, LA, SI

7 âm thanh đó, chúng ta gọi là 7 tên nốt nhạc.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Đọc thuộc lòng tên các nốt nhạc, theo từng bài tập dưới đây :

Đô Rê Mi Fa Sol La Si Đô - Đô Si La Sol Fa Mi Rê Đô
Rê Mi Fa Sol La Si Đô Rê - Rê Đô Si La Sol Fa Mi Rê
Mi Fa Sol La Si Đô Rê Mi - Mi Rê Đô Si La Sol Fa Mi
Fa Sol La Si Đô Rê Mi Fa - Fa Mi Rê Đô Si La Sol Fa
Sol La Si Đô Rê Mi Fa Sol - Sol Fa Mi Rê Đô Si La Sol
La Si Đô Rê Mi Fa Sol La - La Sol Fa Mi Rê Đô Si La
Si Đô Rê Mi Fa Sol La Si - Si La Sol Fa Mi Rê Đô Si
Đô Rê Mi Fa Sol La Si Đô. - Đô Si La Sol Fa Mi Rê Đô.

BÀI 3

KHUÔNG NHẠC VÀ KHÓA NHẠC

1. Khuông nhạc :

Gồm 5 hàng và 4 khe nằm ngang, song song, cách đều nhau:

Hàng

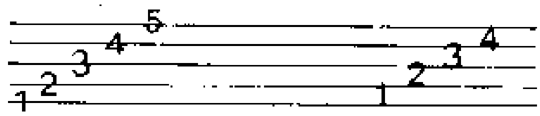

Khe

Có những nốt nhạc cao hơn, hoặc thấp hơn các nốt nhạc trong khuông nhạc chính, nên người ta thêm vào khuông nhạc chính bằng những hàng phụ và khe phụ.

Khuông nhạc chính

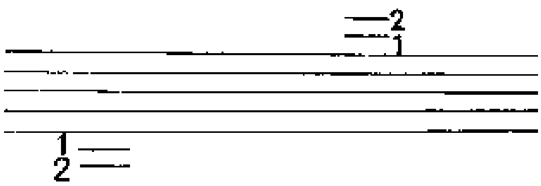

Hàng phụ và khe phụ

Thứ tự hàng và khe của khuông nhạc chính, từ dưới đếm lên.

Thứ tự của hàng phụ và khe phụ, từ trong khuông nhạc chính đếm ra.

2. Khóa nhạc :

Khóa nhạc là ký hiệu xác định tên nốt nhạc ghi trên khuông nhạc. Khóa nhạc ghi ở đầu mỗi khuông nhạc.

Có 2 loại khóa nhạc thường dùng: **Khóa Sol và khóa Fa.**

a. Khóa Sol

Hàng 2

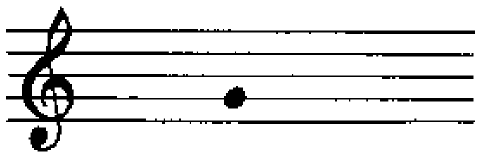

Nốt Sol

Nhận xét :

* Khóa Sol nằm trên hàng thứ 2 của khuông nhạc.
* Nốt nhạc nào nằm trên hàng thứ 2, có tên là nốt Sol.
* Khóa Sol dùng để ghi những âm thanh cao : Giọng nữ, các loại đàn : Violon, Guitar, Mando, Sáo, phần đàn tay phải của Piano, Organ, Accoordéon.

b. Khóa Fa

Hàng 4

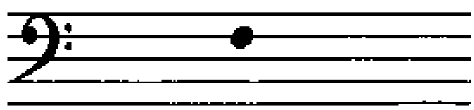

Nốt Fa

Nhận xét :

* Khóa Fa nằm trên hàng thứ 4 của khuông nhạc.
* Nốt nhạc nào nằm trên hàng thứ 4, gọi là nốt Fa.
* Khóa Fa dùng để ghi những âm thanh thấp, trầm: giọng Nam, các loại đàn : violoncelle, contrebasse, phần đàn tay trái của Piano, Organ, Accoordéon...

Bài 4

HÌNH DÁNG VÀ GIÁ TRỊ NỐT NHẠC

1. Hình dáng nốt nhạc :

Có 7 loại hình nốt để chỉ trường độ của nốt nhạc

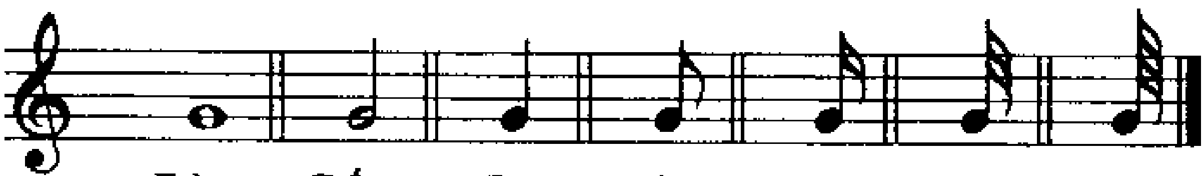

2. Giá trị nốt nhạc :

Theo thứ tự : Nốt Tròn, Trắng, Đen, Móc dôi, Móc ba, Móc tư, thì hình nốt trước sẽ gấp đôi giá trị hình nốt sau.

Nốt tròn bằng 2 nốt trắng

Nốt trắng bằng 2 nốt đen.

Nốt đen bằng 2 nốt móc.

Nốt móc bằng 2 nốt móc đôi.

Nốt móc đôi bằng 2 nốt móc ba.

Nốt móc ba bằng 2 nốt móc tư.

Ghi chú :

* Khi 2 hay nhiều nốt móc đứng kế cận nhau, người ta nối chúng lại bằng gạch ngang:

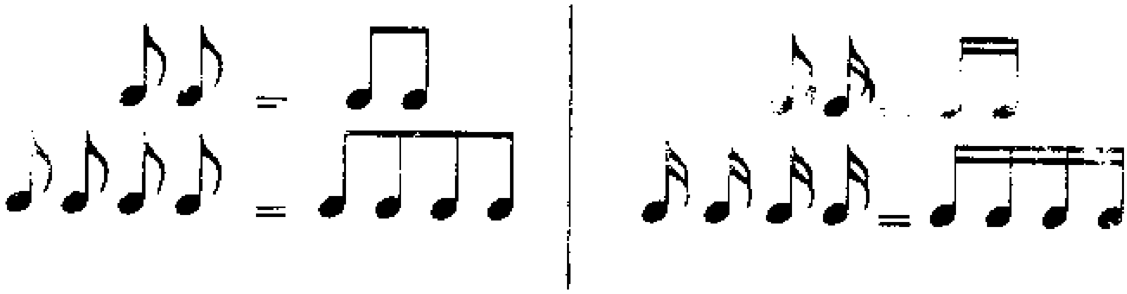

* Về cách ghi các hình nốt trên khuông nhạc :

  * Từ hàng thứ 3 trở lên, đuôi nốt nhạc quay xuống
  * Các nốt dưới hàng thứ 3, đuôi quay lên.

Thí dụ :

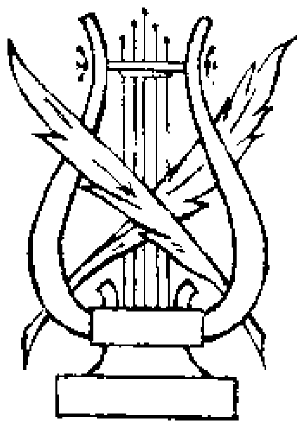

BÀI 5

CUNG VÀ NỬA CUNG

Trong 7 tên nốt, khoảng cách cao độ của chúng không đồng đều nhau, có khoảng cách 1 **cung**. Có khoảng cách ngắn hơn gọi là **Nửa cung**.

Các khoảng cách cao độ được ấn định như sau :

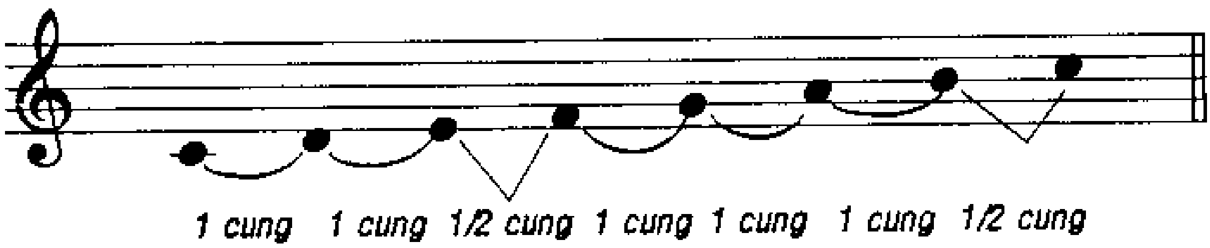

Khoảng cách cao độ của : Đô-Rê, Rê-Mi, Fa-Sol, Sol-La, La-Si là 1 **cung**.

Khoảng cách cao độ của : Mi-Fa và Si-Đô là **Nửa cung**.

Ghi chú :

* Mỗi cung có thể chia làm 2 nửa cung.
* Mỗi cung có thể chia làm 10 phần nhỏ, mỗi phần đó gọi là **Comma**. Comma là cao độ nhỏ nhất mà tai nghe có thể phân biệt được.

Ghi chú :

Do ảnh hưởng của dấu Hóa, nên có các loại nửa cung như sau :

1. Nửa cung Dị : Tên gọi nửa cung của 2 nốt khác tên nhau :

Thí dụ :

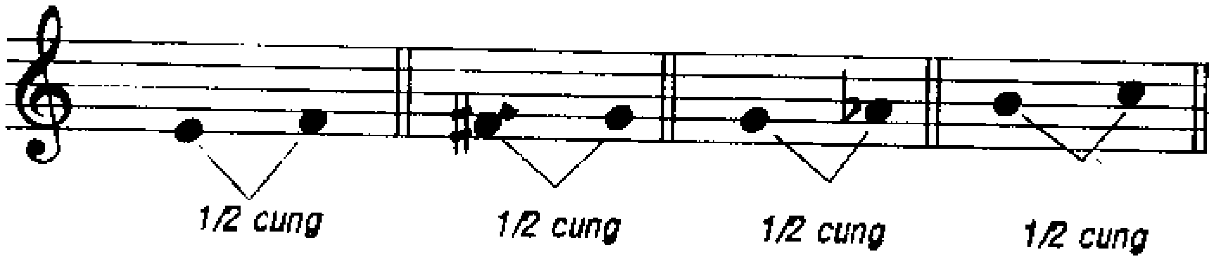

2. Nửa cung Đồng : Tên gọi nửa cung của 2 nốt cùng tên nhưng chênh lệch với nhau vì dấu hóa :

Thí dụ

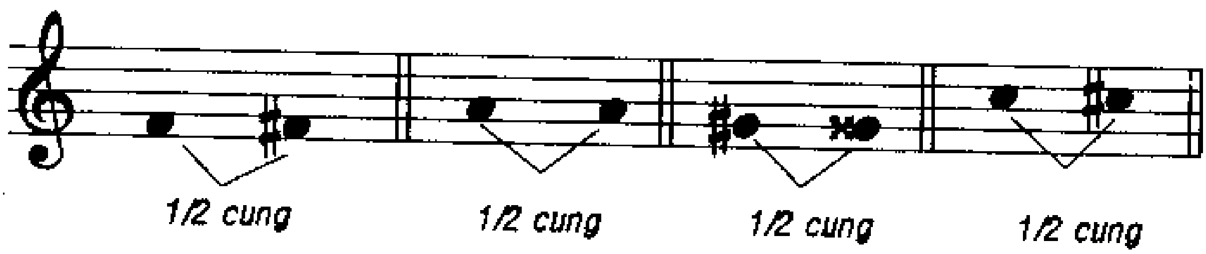

BÀI 6

VỊ TRÍ NỐT NHẠC TRÊN KHUÔNG NHẠC KHÓA SOL

Theo thứ tự 7 tên nốt (Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si) Vị trí các nốt trên khuông nhạc khóa Sol như sau :

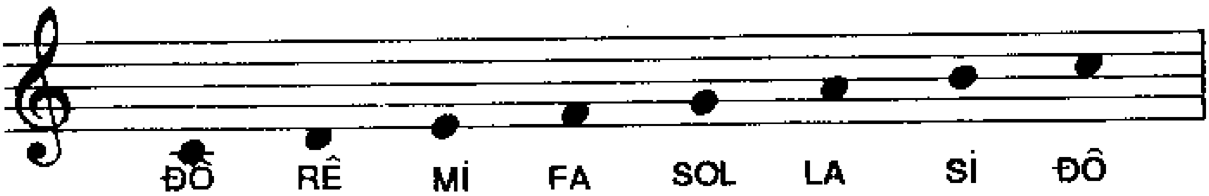

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Đọc thuộc vị trí các nốt nhạc nhóm 1 trên khuông nhạc, theo 3 giai doạn sau dây :

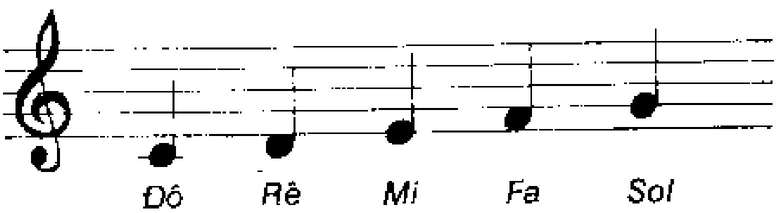

* Vừa nhìn nốt nhạc, vừa nhìn chữ ghi tên nốt ở phía dưới.

* Che phần chữ ghi tên nốt phía dưới, chỉ nhìn hình nốt trên khuông nhạc đọc sao cho đúng tên nốt.

* Đọc xuôi, đọc ngược và đọc cách quảng, không theo thứ tự.

  (Thí dụ : *Đô-Fa, Rê-Sol, Fa-Rê* ...)

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

Dùng viết chì ghi tên nốt vào các bài tập dưới đây. Sau khi ghi xong, bạn có thể dùng gôm xóa và ghi lại với thời gian nhanh hơn trước.

1

Đô ....

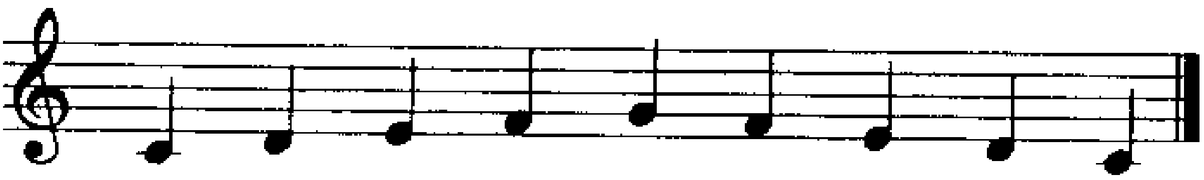

....

2

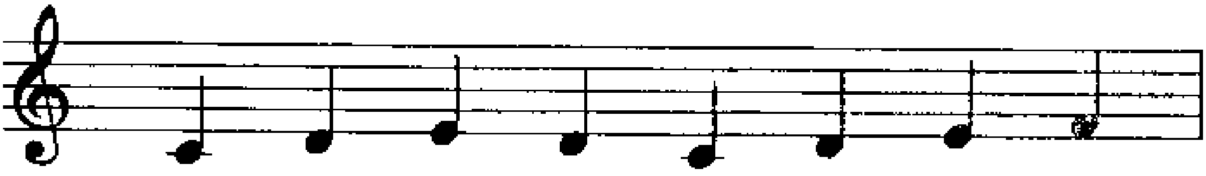

Đô ....

....

3

Ré ....

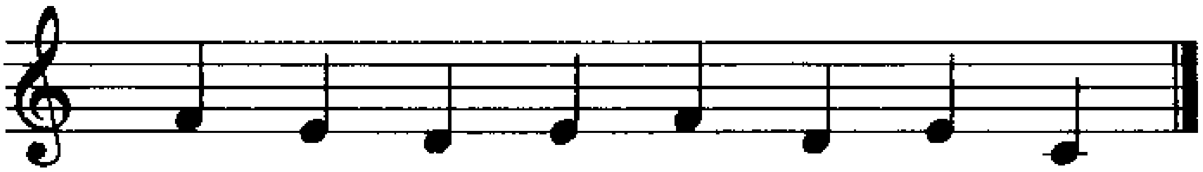

....

4

Mi ....

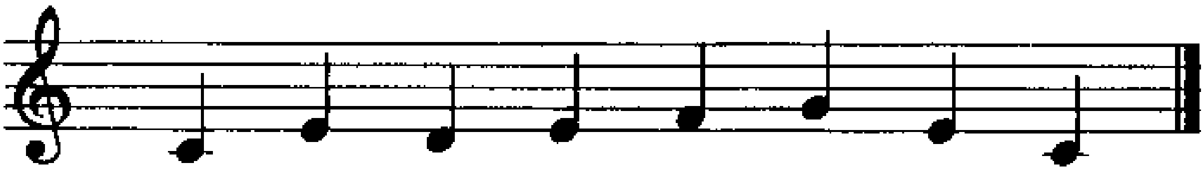

....

5

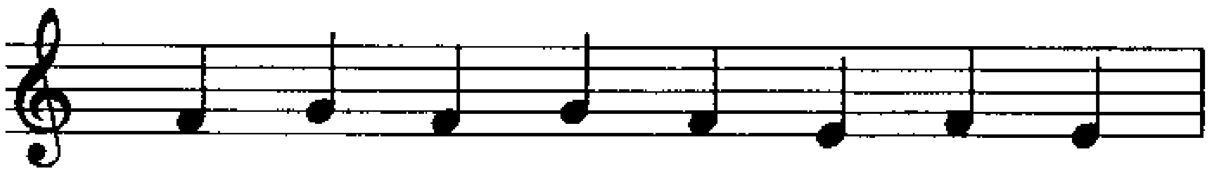

Fa ....

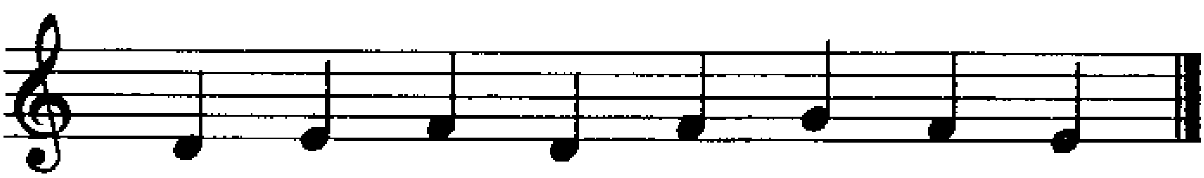

....

6

Sol ....

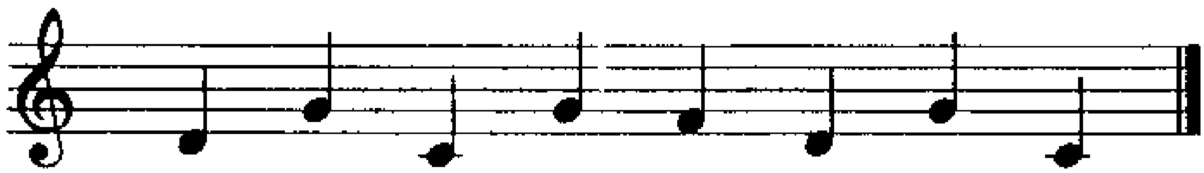

....

2. Đọc thuộc vị trí các nốt nhạc nhóm 2, tuần tự theo 3 giai đoạn như câu 1.

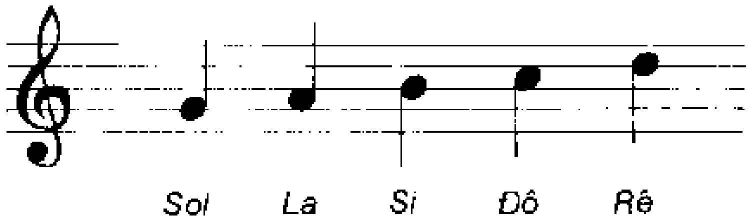

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

1

Sol ....

....

2

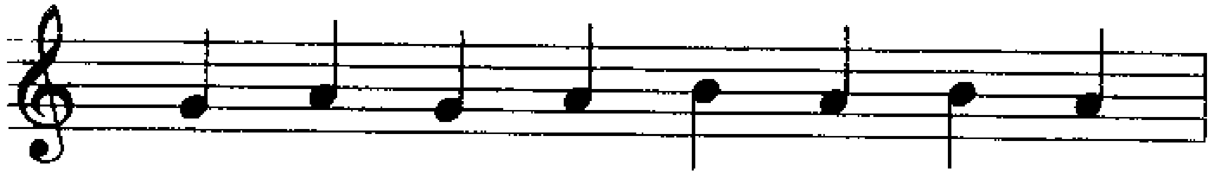

Sol ....

....

3

La ....

....

4

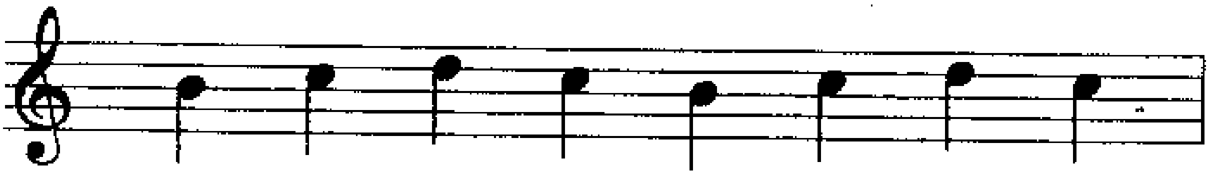

Si ....

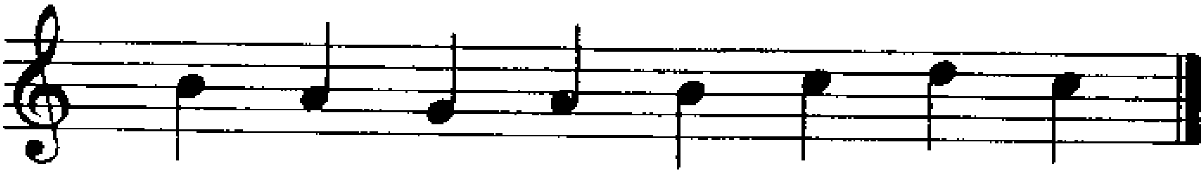

....

5

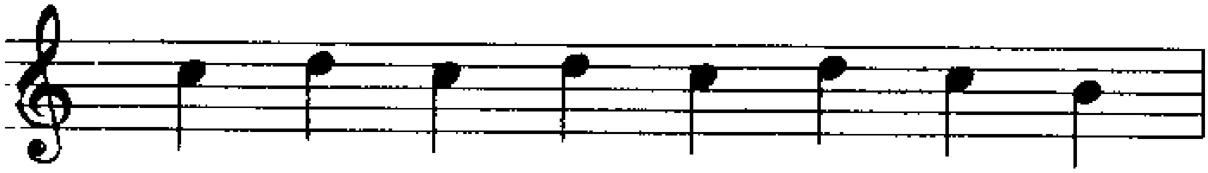

Đô ....

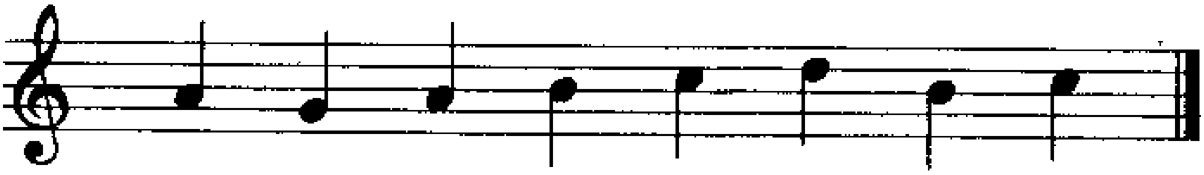

....

6

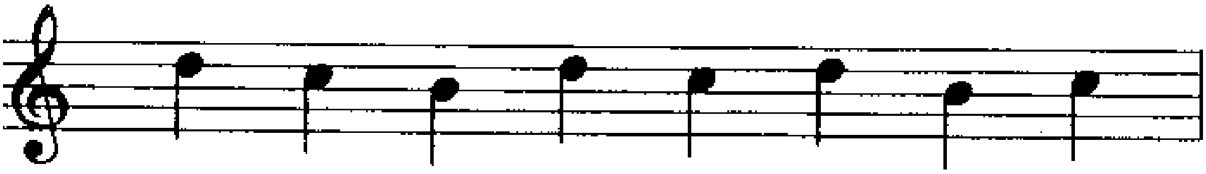

....

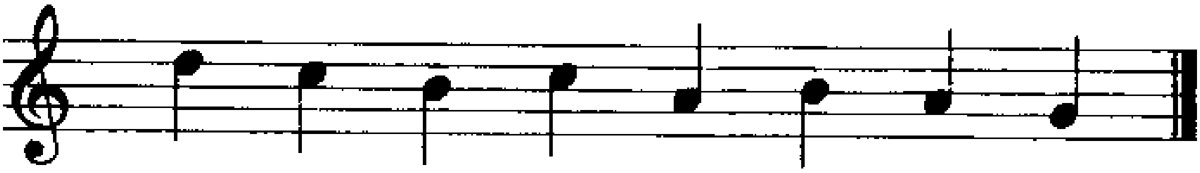

....

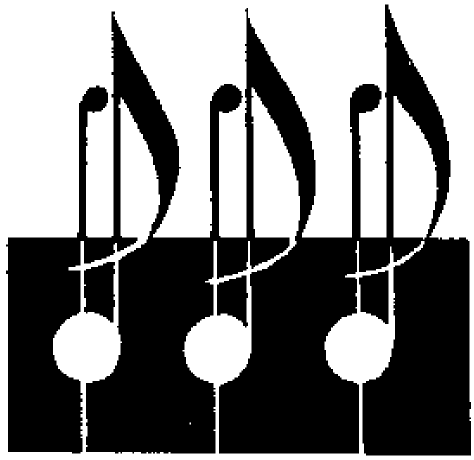

3. Đọc thuộc vị trí các nốt nhóm 3, cũng theo 3 giai đoạn, như câu 1 và câu 2.

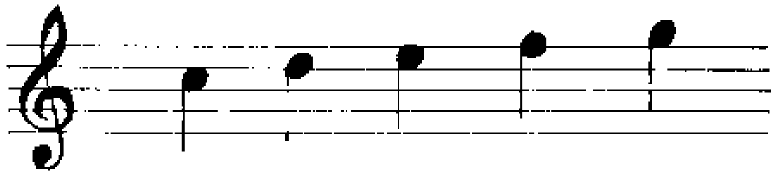

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

1

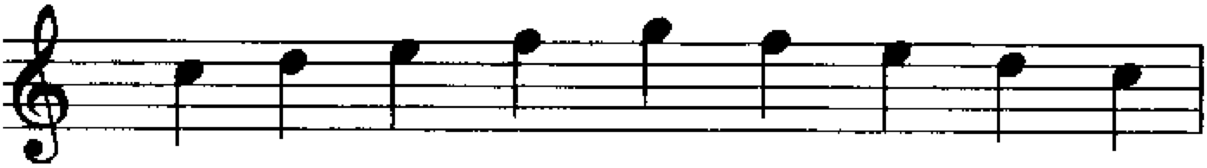

Đô ....

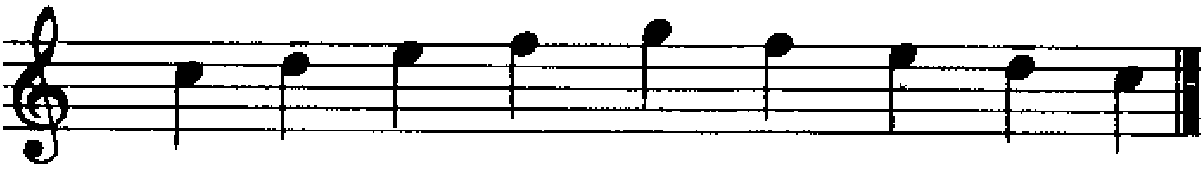

....

2

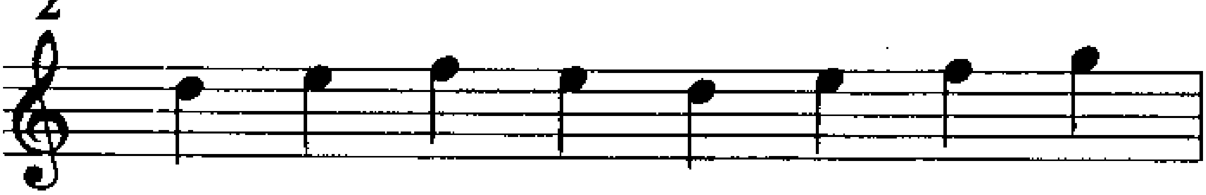

Rê ....

....

3

Mi ....

....

4

Fa ....

....

5

Sol ....

....

4. Đọc thuộc vị trí các nốt nhóm 4.

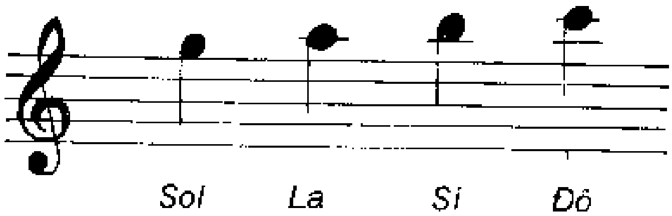

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

1

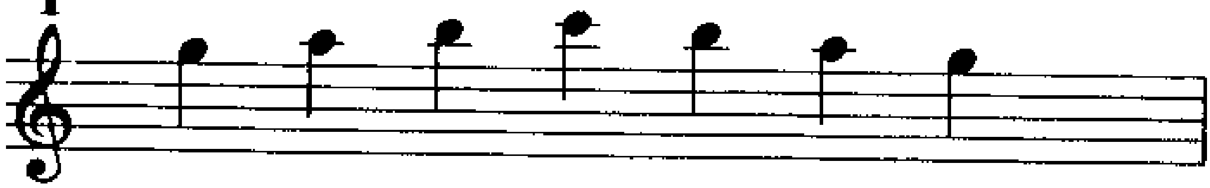

Sol ....

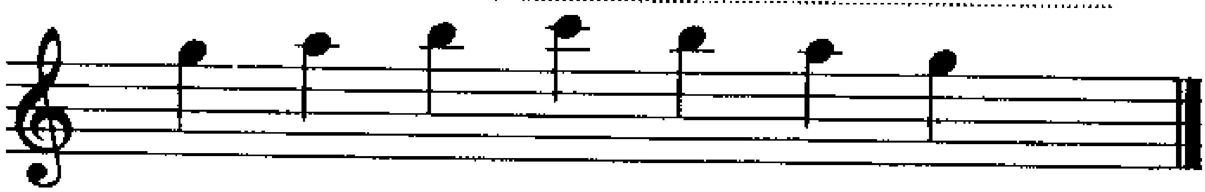

....

2

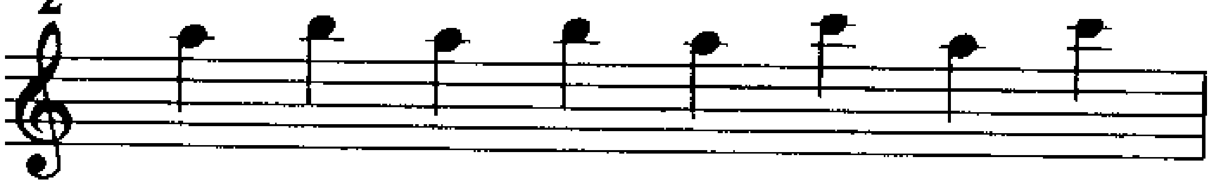

La ....

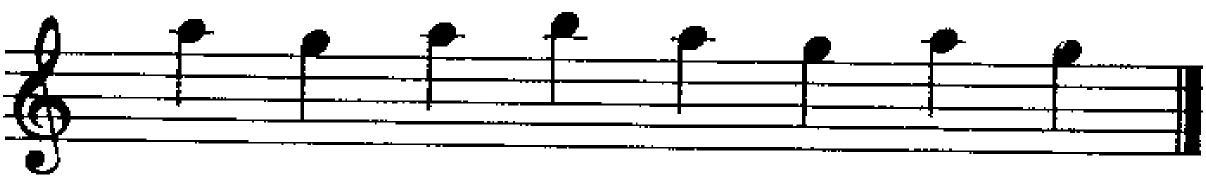

....

3

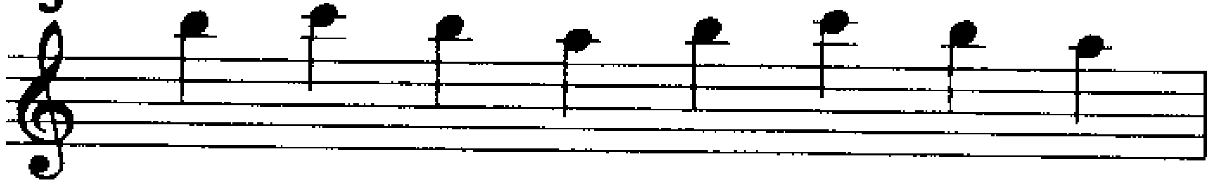

Si ....

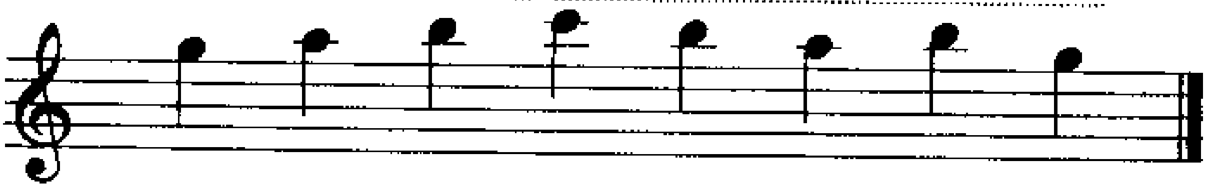

....

4

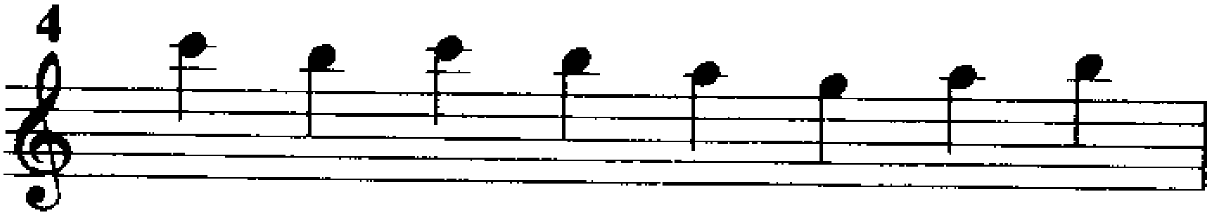

Đô ....

....

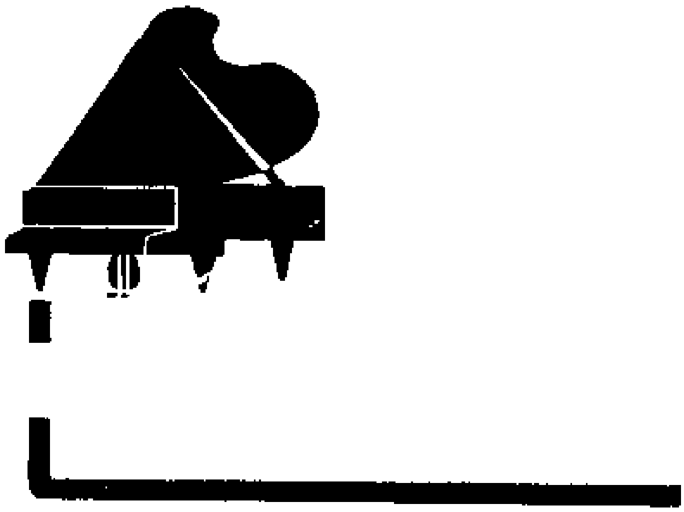

BÀI 7

NHỊP - PHÁCH

1. NHỊP :

Một bài nhạc được chia ra nhiều khoảng cách có trường độ bằng nhau gọi là **Nhịp**. Nhịp được giới hạn bằng 2 vạch nhịp.

* Khoảng cách giữa 2 vạch nhịp gọi là **ô nhịp** hay **Trường canh**.
* Khi kết thúc 1 đoạn nhạc, thay đổi khóa nhạc, thay đổi nhịp, người ta dùng 2 vạch nhịp, gọi là **vạch kép**.
* Chấm dứt bài nhạc, người ta dùng **vạch kép kết thúc**, gồm 1 vạch bình thường và 1 vạch đậm hơn.

Thí dụ :

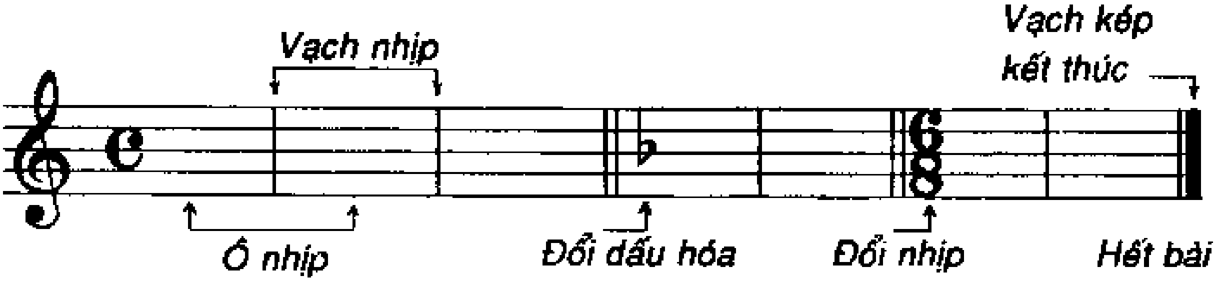

2. PHÁCH :

Mỗi nhịp được phân chia ra thành những đơn vị gọi là

Phách. Phách là đơn vị thời gian tính được trong mỗi ô nhịp.

Số lượng phách có trong mỗi ô nhịp, tùy thuộc vào số chỉ nhịp mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài 8.

BÀI 8

SỐ CHỈ NHỊP

Số chỉ nhịp được biểu thị bằng 1 phân số.

Số chỉ nhịp ghi ở đầu bản nhạc, sau khóa Sol và chỉ ghi 1 lần.

Số chỉ nhịp cho ta biết, bản nhạc này ở nhịp mấy ? Có nghĩa là : mỗi ô nhịp có mấy phách, mỗi phách có giá trị bằng hình nốt nào.

Cách đọc số chỉ nhịp :

Viết		**Đọc**
$\frac{2}{2}$	⟶	Nhịp Hai - hai
$\frac{2}{4}$	⟶	Nhịp Hai - bốn
$\frac{6}{8}$	⟶	Nhịp Sáu - tám

A. MỘT VÀI LOẠI SỐ CHỈ NHỊP THÔNG DỤNG

1. Số chỉ nhịp có đơn vị phách là nốt Trắng :

Nhịp $\frac{2}{2}$ viết tắt ¢ (xê chẻ)

2. Số chỉ nhịp có đơn vị phách là nốt Đen :

Nhịp $\frac{2}{4}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{4}{4}$ (viết tắt C)

3. Số chỉ nhịp có đơn vị phách là nốt Móc đơn :

Nhịp $\frac{3}{8}$, $\frac{6}{8}$ ...

B. Ý NGHĨA SỐ CHỈ NHỊP

1. **Tử số** : Chỉ số lượng phách trong mỗi ô nhịp.

2. **Mẫu số** : Chỉ tính chất của phách :

NHỊP $\frac{2}{2}$ (¢)

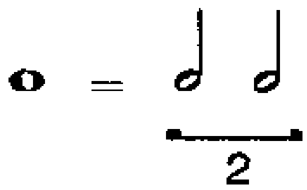

* Nốt tròn bằng 2 nốt Trắng

* Số 2 cho biết : Nốt Trắng là đơn vị phách của các loại nhịp có mẫu số là 2.

Thí dụ :

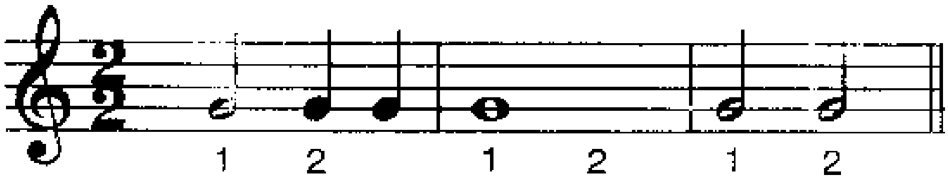

* Mỗi ô nhịp 2 phách (Tử số)

* Mỗi phách là 1 nốt Trắng (Mẫu số)

NHỊP $\frac{2}{4}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{4}{4}$ (C)

* Nốt Tròn bằng 4 nốt đen.

* Số 4 cho biết : Nốt Đen là đơn vị phách của các loại nhịp có mẫu số là 4.

Thí dụ :

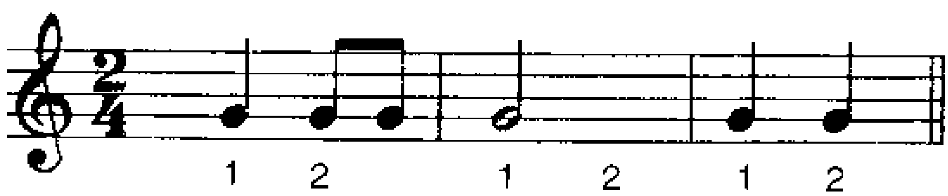

* Mỗi ô nhịp có 2 phách (Tử số)

* Mỗi phách là 1 nốt Đen (Mẫu số)

NHỊP $\frac{3}{8}$, $\frac{6}{8}$

* Mỗi nốt Tròn bằng 8 nốt móc

* Số 8 cho biết : Nốt móc là đơn vị phách của các loại nhịp có mẫu số là 8

Thí dụ :

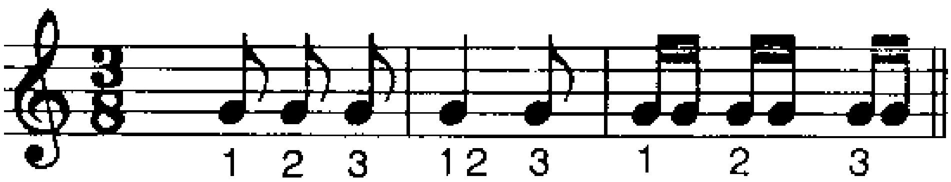

* Mỗi ô nhịp có 3 phách

* Mỗi phách là 1 nốt Móc đơn

Tóm lại :

Nhịp $\frac{2}{2}$ mỗi phách là 1 nốt Trắng

Nhịp $\frac{2}{4}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{4}{4}$ mỗi phách là 1 nốt Đen

Nhịp $\frac{3}{8}$, $\frac{6}{8}$ mỗi phách là 1 nốt Móc đơn

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Các bài tập dưới đây theo phương pháp trắc nghiệm. Trong 3 câu trả lời a, b, c, bạn chọn câu trả lời đúng nhất, dùng bút chì khoanh tròn mẫu tự (a, b, hay c) có câu giải đáp đúng nhất.

1. Điền vào hình nốt nào cho đầy đủ số phách, trong ô nhịp dưới đây :

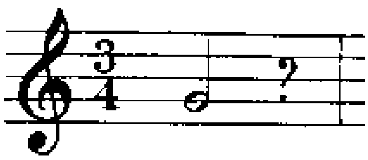

a.

b.

c.

2. Ô nhịp này thiếu mấy phách ?

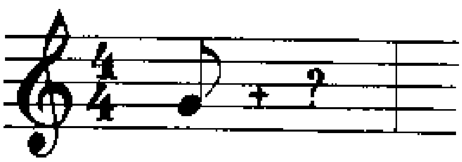

a. 2 phách $\frac{1}{2}$

b. 3 phách $\frac{1}{2}$

c. 4 phách $\frac{1}{2}$

3. Cho biết số chỉ nhịp của ô nhịp dưới đây :

a/ $\frac{2}{4}$

b/ $\frac{3}{8}$

c/ $\frac{6}{8}$

4. Ký hiệu viết tắt của nhịp $\frac{4}{4}$ (Bốn - bốn) :

a. A
b. B
c. C

5. Ký hiệu viết tắt của nhịp $\frac{2}{2}$ (Hai-Hai) :

a. B
b. ₵
c. C

6. Đơn vị phách của nhịp $\frac{2}{4}$ (Hai-bốn) là :

a. Nốt Đen (♩)
b. Nốt Trắng (𝅗𝅥)
c. Nốt Móc (♪)

7. Đơn vị phách của nhịp ¢ (xê chẻ) :

b. Nốt đen (♩)
b. Nốt trắng (𝅗𝅥)
c. Nốt Móc (♪)

8. Đơn vị phách của nhịp $\frac{6}{8}$ (sáu-tám) là ;

a. Nốt Đen (♩)
b. Nốt Trắng (𝅗𝅥)
c. Nốt Móc (♪)

9. Ở nhịp $\frac{4}{4}$ (Bốn-bốn), 2 phách bằng.

a. 2 nốt Móc (♪)
b. 2 nốt Đen (♩)
c. 2 Nốt Trắng (𝅗𝅥)

10. Ở nhịp $\frac{6}{8}$ (Sáu-tám) 4 nốt móc bằng :

a. 4 phách
b. 2 phách
c. 8 phách

11. Ở nhịp $\frac{2}{2}$ (Hai-hai), 2 nốt đen bằng :

a. 4 phách
b. 2 phách
c. 1 phách

12. Ở nhịp 𝄵 (xê chẻ), 2 phách bằng :

    a. Nốt tròn (𝅝)
    b. Nốt trắng (𝅗𝅥)
    c. Nốt Đen (♩)

13. Ở nhịp $\frac{6}{8}$, 6 phách bằng :

    a. 6 nốt Móc
    b. 6 nốt Đen
    c. 6 nốt Trắng

14. Cho biết vạch kép kết thúc bản nhạc :

    a. 𝄃
    b. 𝄁
    c. 𝄂

15. Khoảng cách giữa 2 vạch nhịp gọi là.

    a. Ô nhịp.
    b. Vạch nhịp.
    c. Ô chữ.

16. Số chỉ nhịp được ghi ở :

    a. Đầu khuông nhạc thứ 1, trước khóa nhạc.
    b. Đầu khuông nhạc thứ 1, sau khóa nhạc
    c. Đầu mỗi khuông nhạc, sau khóa nhạc.

Bài 9

DẤU HÓA

Dấu hóa là ký hiệu cho biết sẽ làm thay đổi cao độ của nốt nhạc với khoảng cách là **nửa cung**.

Dấu hóa có thể chia 1 cung thành 2 nửa cung.

Có 3 loại dấu hóa thường dùng :

1. **Dấu Thăng** (♯) nâng cao độ nốt nhạc lên nửa cung.

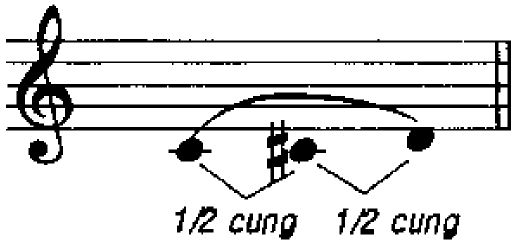

2. **Dấu Giáng** (♭) Giảm cao độ nốt nhạc xuống nửa cung

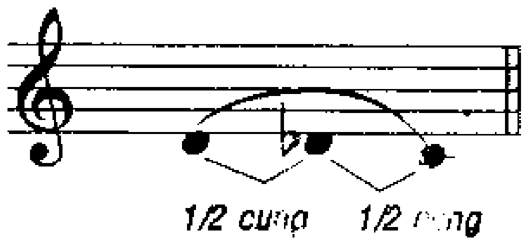

3. **Dấu Bình** (♮) Hủy bỏ ảnh hưởng của dấu Thăng hay Giáng, trả cao độ nốt nhạc về vị trí bình thường

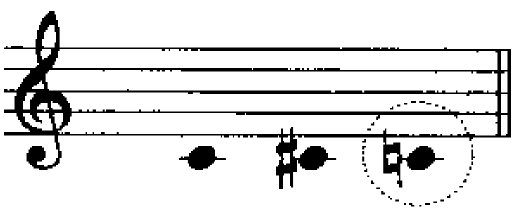

Nốt Đô Bình
(hết ảnh hưởng của dấu Thăng)

Nốt Rê Bình
(hết ảnh hưởng của dấu Giáng)

Ghi chú :

Ngoài ra còn có 2 loại dấu hóa kép :

1. **Dấu Thăng kép** (𝄪 hay ♯♯) Nâng cao độ nốt nhạc lên 1 cung.

2. **Dấu Giáng Kép** (♭♭) Giảm cao độ nốt nhạc xuống 1 cung.

ẢNH HƯỞNG CỦA DẤU HÓA

Tùy theo vị trí, dấu hóa có tác dụng và tên gọi như sau :

A. DẤU HÓA THEO KHÓA : viết ở đầu mỗi khuông nhạc, sau khóa nhạc. Dấu Hóa này ảnh hưởng đến tất cả các nốt nhạc nào mang tên dấu Hóa đó.

Thí dụ :

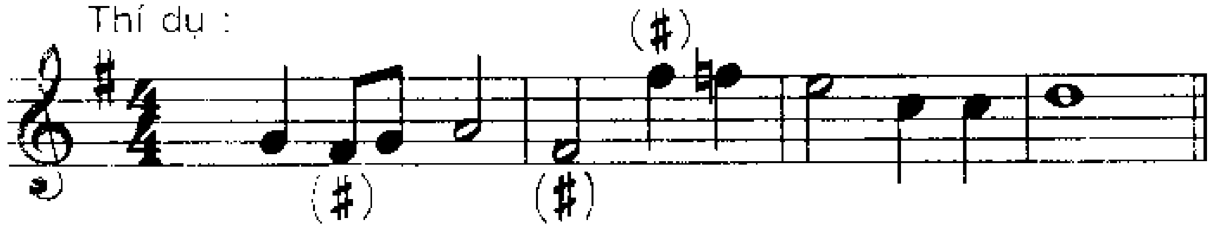

Dấu Hóa theo khóa trên đây mang tên là **Fa thăng,** có nghĩa là tất cả các nốt **Fa** trong bài này đều là **Fa**♯

Ghi chú : Chỉ có 2 loại Dấu Hóa : Dấu Thăng và Dấu Giáng được sử dụng làm Dấu Hóa theo khóa.

B. DẤU HÓA BẤT THƯỜNG : Không có vị trí cố định, thỉnh thoảng xuất hiện trong bản nhạc.

Dấu Hóa bất thường đặt ngay trước nốt nhạc và chỉ ảnh hưởng trong 1 ô nhịp.

Thí dụ :

Dấu hóa Si Giáng (bất thường), đặt trước nốt Si, có nghĩa là chỉ có nốt Si đó và nốt Si sau đó trong cùng 1 ô nhịp, bị giáng xuống $\frac{1}{2}$ cung mà thôi.

Các nốt Si khác ngoài ô nhịp, nếu không có ghi dấu Giáng, sẽ không bị ảnh hưởng gì.

Ghi chú : Tất cả 5 loại Dấu Hóa kể trên đều được dùng làm Dấu Hóa bất thường.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Dấu Thăng (♯) tăng cao độ nốt nhạc lên :

a. Nửa cung

b. Một cung

c. Hai cung

2. Dấu Giáng (♭) dùng để :

a. Giảm cao độ xuống 1 cung

b. Giảm cao độ xuống $\frac{1}{2}$ cung

c. Tăng cao độ lên $\frac{1}{2}$ cung.

3. Cách viết dấu Bình :

a. ♮
b. ♭
c. ♯

4. Dấu Bình (♮) hủy bỏ ảnh hưởng của :

a. Dấu nhạc
b. Dấu Thăng và dấu Giáng
c. Dấu Hóa và dấu Bình.

5. Dấu Hóa bất thường đặt ở :

a. Trước nốt nhạc
b. Trước khuông nhạc
c. Sau nốt nhạc.

6. Các loại dấu Hóa được dùng làm dấu Hóa bất thường.

a. Dấu Thăng và dấu Giáng
b. Dấu Thăng, dấu Giáng, dấu Bình
c. Dấu Thăng, dấu Hóa, dấu Bình.

7. Dấu Bình (♮) dùng để :

a. Nâng cao nốt nhạc lên $\frac{1}{2}$ cung

b. Giảm nốt nhạc xuống $\frac{1}{2}$ cung

c. Trả lại cao độ bình thường.

Đề bài cho câu 8, 9 , 10, 11

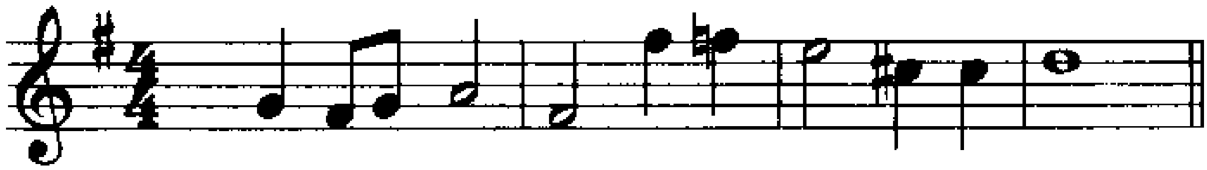

8. Cho biết số lượng nốt nhạc bị ảnh hưởng của dấu Hóa bất thường

a. 3 nốt

b. 4 nốt

c. 5 nốt

9. Cho biết tên dấu Hóa theo khóa của dòng nhạc này :

a. Dấu Fa Thăng

b. Dấu Fa Giáng

c. Dấu Fa Bình.

10. Cho biết số lượng nốt nhạc bị ảnh hưởng của dấu Hóa theo khóa

a. 3 nốt

b. 4 nốt

c. 5 nốt.

11. Các dấu Hóa được sử dụng vào dòng nhạc này :

a. Dấu Thăng và dấu Giáng

b. Dấu Thăng và dấu Bình

c. Dấu Hóa và dấu Bình.

Đề bài cho các câu 12, 13, 14, 15

12. Cho biết tên các dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 1.

a. Fa Thăng và Đô Thăng

b. Sol Thăng và Rê Thăng

c. Mi Thăng và Rê Thăng.

13. Cho biết tên dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 2.

a. Si Thăng

b. Si Giáng

c. Si Bình

14. Cho biết tên các dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 3.

a. Fa Giáng, Đô Giáng, Sol Giáng

b. Fa Thăng, Đô Thăng, Sol Thăng

c. Fa Bình, Đô Bình, Sol Bình.

15. Cho biết tên các dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 4.

a. Si Giáng, Rê Giáng, La Giáng

b. Si Giáng, Mi Giáng, La Giáng

c. Si Giáng, Mi Giáng, Sol Giáng.

BÀI 10

DẤU LẶNG

Dấu Lặng là ký hiệu cho biết **tạm thời ngừng đàn hay hát** trong 1 thời gian nào đó.

Tương ứng với 7 hình nốt, hình dáng của 7 dấu Lặng như sau :

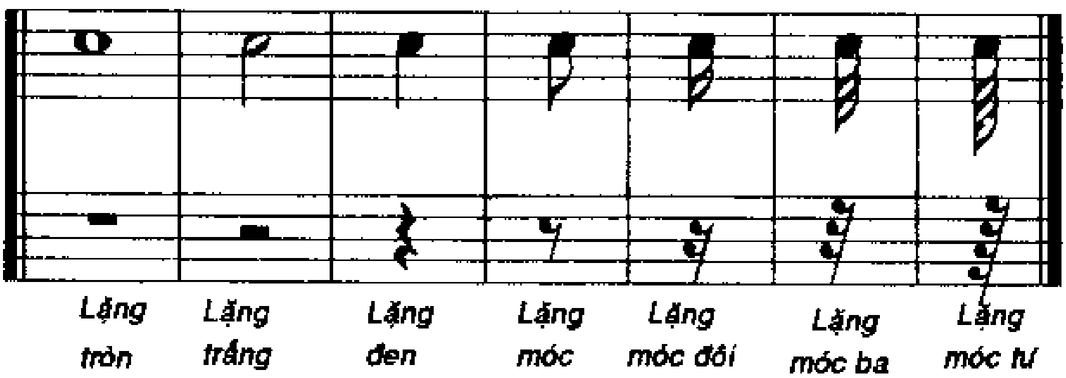

Ghi chú :

* Giống như 7 nốt nhạc, theo thứ tự nêu trên, dấu Lặng trước, có giá trị thời gian gấp đôi dấu Lặng sau.

Thí dụ :

Lặng tròn = 2 Lặng trắng

Lặng trắng = 2 Lặng đen...

* Dấu Lặng tròn, nằm dưới hàng thứ 4.

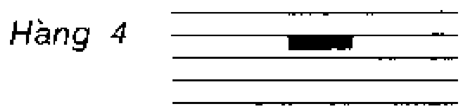

* Dấu Lặng trắng, nằm trên hàng thứ 3.

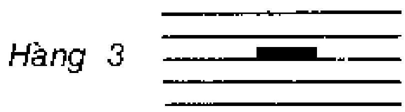

Các dấu Lặng còn lại, nằm ở giữa khuông nhạc.

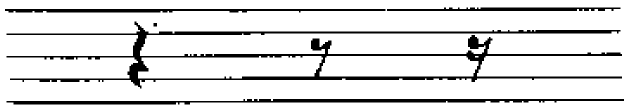

Tuy nhiên, khi trên1 khuông nhạc có nhiều bè, ta có thể thay đổi vị trí đó.

Thí dụ :

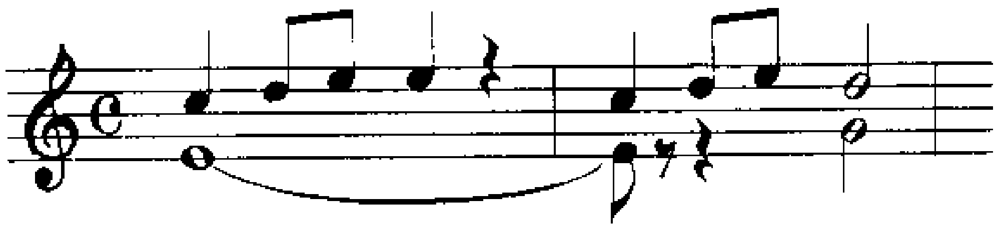

Ghi chú :

* Nếu **nghỉ trọn 1 ô nhịp** ta chỉ cần đặt dấu *Lặng tròn* là đủ cho tất cả mọi loại nhịp.

Thí dụ :

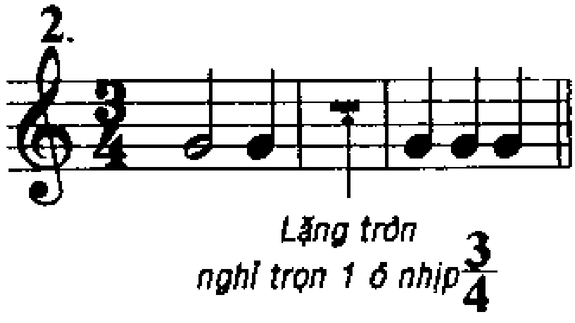

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Ở nhịp $\frac{4}{4}$, dấu Lặng Tròn dùng để :

a. Nghỉ 4 phách hoặc nghỉ trọn 1 ô nhịp.

b. Ngân dài 4 phách.

c. Nghỉ 4 phách.

2. Ở nhịp $\frac{2}{4}$, dấu Lặng Trắng dùng để :

a. Ngừng đàn hoặc hát

b. Nghỉ 2 phách

c. Kéo dài 2 phách.

3. Dấu Lặng dùng để :

a. Nghỉ 4 phách

b. Ngừng đàn hoặc hát trong 1 thời gian nào đó

c. Nghỉ trọn 1 ô nhịp.

4. Cách viết dấu Lặng Móc.

a. 𝄾

b. 𝄽

c. 𝄿

5. Cách viết dấu Lặng Đen.

a. 𝄿

b. 𝄾

c. 𝄽

6. Hai dấu Lặng Móc liên tiếp (𝄾𝄾) có giá trị bằng :

a. ♩

b. 𝄽

c. ♪ ♪

7. Một dấu Lặng Trắng (▬) có giá trị bằng :

a. 𝅗𝅥

b. 𝄽𝄽

c 𝄾𝄾

8. Dấu Lặng Móc (𝄾) dùng để :

a. Nghỉ $\frac{1}{2}$ phách

b. Kéo dài nốt nhạc thêm $\frac{1}{2}$.

c. Nghỉ trọn 1 ô nhịp.

9. Để nghỉ 1 phách, người ta dùng dấu Lặng:

a. 𝄾

b. 𝄿

c. 𝄽

Bài 11

DẤU NỐI – DẤU CHẤM DÔI
DẤU CHẤM NGÂN

Dấu Nối, dấu Chấm Dôi và dấu Chấm Ngân dùng để tăng thêm trường độ của nốt nhạc.

1. Dấu Nối : (‿ hay ⁀)

Hình vòng cung nhỏ, nối 2 hay nhiều nốt nhạc **cùng cao độ,** nằm liên tiếp nhau.

a.

Nốt La, ngân dài 3 phách

b.

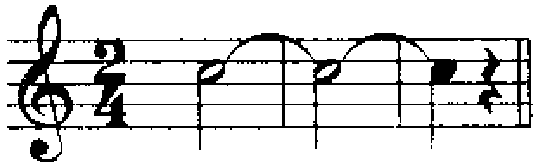

Nốt Đô, ngân dài 5 phách

c.

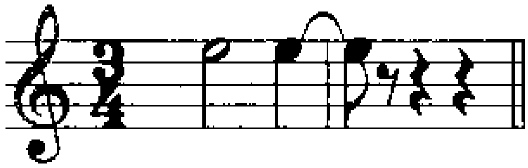

Nốt Mi, ngân dài 1 phách $\frac{1}{2}$.

Chú ý : Dấu nối không dùng cho dấu Lặng.

2. Dấu Chấm Dôi (•)

Một dấu chấm gọi là Chấm Dôi, chấm ngay sau nốt nhạc hay dấu Lặng sẽ tăng thêm $\frac{1}{2}$ trường độ của nốt nhạc hay dấu Lặng đó.

Thí dụ :

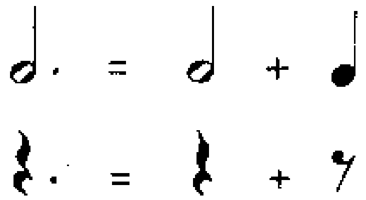

3. Dấu Chấm Ngân (𝄐 hoặc 𝄑)

Còn gọi là dấu Chấm Lưu, hình bán nguyệt, có dấu chấm ở giữa.

Dấu Chấm Ngân đặt ở trên (𝅘𝅥𝄐) hay dưới (𝅘𝅥𝄑) 1 nốt nhạc, thì trường độ nốt đó được kéo dài tự do.

= ngân dài tự do

= nghỉ dài tự do

Ghi chú :

Dấu Chấm Dôi kép : Nếu có 2 dấu chấm, chấm thứ 1 tăng thêm $\frac{1}{2}$ trường độ nốt nhạc. Còn dấu chấm thứ 2 tăng thêm $\frac{1}{2}$ trường độ của dấu chấm thứ 1.

Thí dụ :

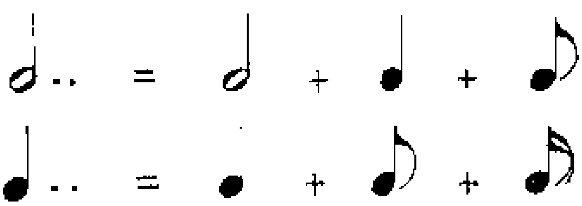

Bài 12

DẤU HỒI TẤU

Dấu Hồi Tâu hướng dẫn cho biết phải lập lại 1 đoạn nhạc nào đó.

1. Dấu Tái đoạn 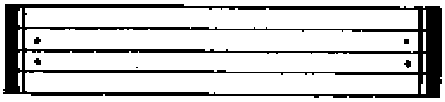

* Khi muốn diễn lại phần đầu của bản nhạc :

* Khi muốn diễn lại phần giữa hay phần cuối, ta ghi 2 lần :

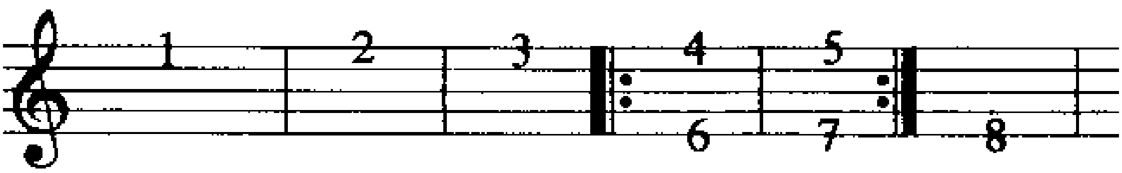

* Khi muốn thay dổi một vài ô nhịp trong lần lập lại thứ 2.

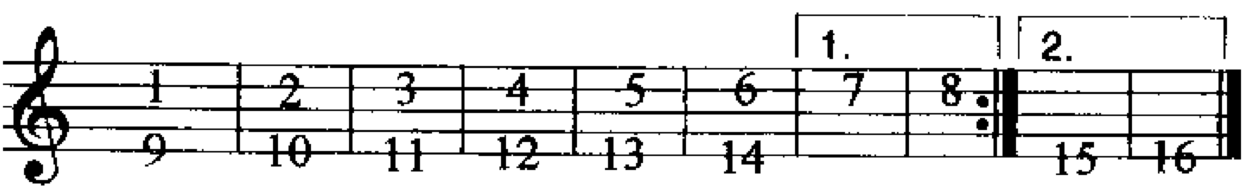

2. Dấu Hoàn 𝄋

Khi có thêm yêu cầu phải diễn lại 1 phần hoặc toàn bài, ta dùng thêm dấu Hoàn 𝄋

Dấu Hoàn 𝄋 dược ghi 2 lần :

Khi gặp dấu Hoàn 𝄋 thứ 2, trở lại từ chỗ có ghi dấu Hoàn 𝄋 thứ 1 diễn lại và tiếp tục cho đến chỗ có ghi chữ HẾT. Nếu không có chữ HẾT, có nghĩa là diễn cho đến cuối bài.

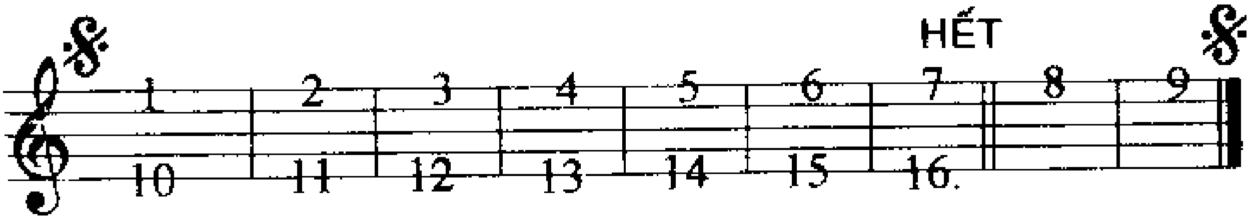

Ngoài ra có thể dùng DA CAPO (viết tắt D.C) để thay thế cho dấu Hoàn

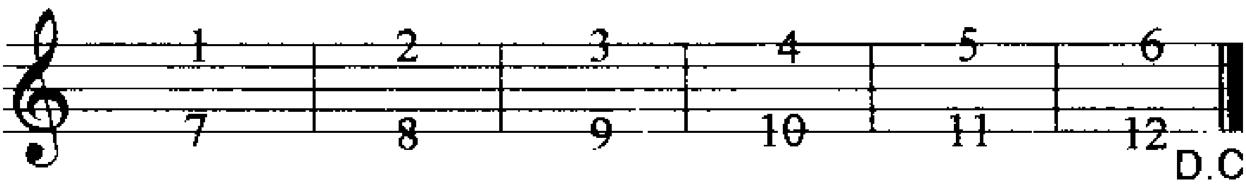

3. Dấu Coda 𝄌

Lần trở lại sau cùng, có yêu cầu bỏ bớt 1 doạn nhạc giữa bài, ta dùng thêm dấu CODA 𝄌

BÀI 13

VỊ TRÍ NỐT NHẠC TRÊN KHUÔNG NHẠC KHÓA FA

Khóa Sol dùng cho giọng hát và nhạc cụ có âm vực cao.

Khóa Fa dùng cho giọng hát và nhạc cụ có âm vực trầm.

Theo thứ tự 7 tên nốt, các nốt trên khuông nhạc khóa Fa có vị trí như sau :

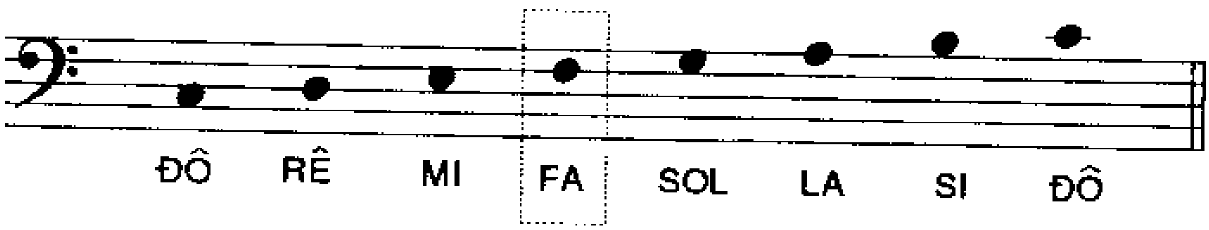

Khóa Fa nằm trên hàng thứ 4.

Nốt nhạc nằm trên hàng thứ 4 là nốt Fa.

PHƯƠNG PHÁP ĐỌC TÊN NỐT KHÓA FA

Chia ra làm 2 nhóm nốt.

Mỗi nhóm nốt, tuần tự học theo 3 giai đoạn giống như các bài tập trên khuông nhạc khóa Sol (trang 16)

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

Nhóm 1

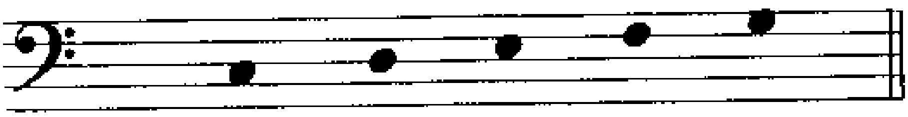

ĐÔ RÊ MI FA SOL

1

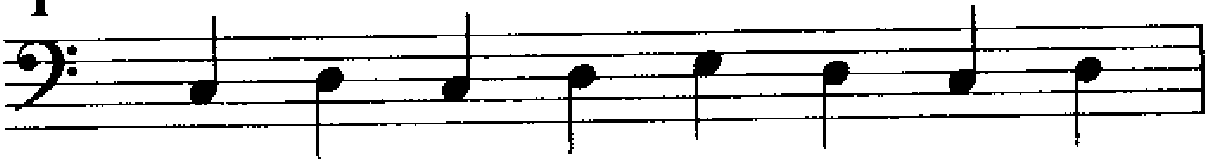

Đô ....

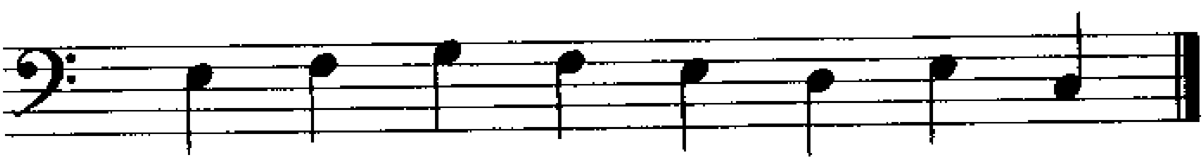

....

2

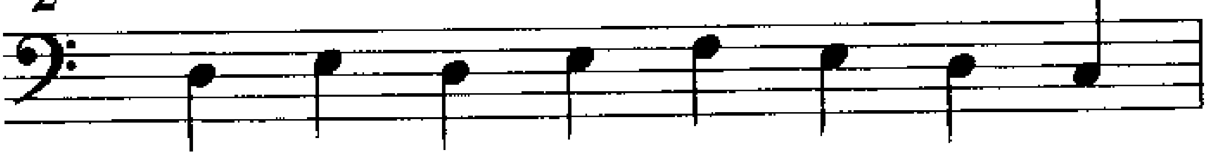

Rê ....

....

3

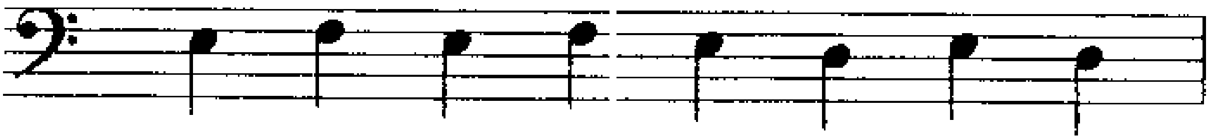

Mi

4

Fa

5

Sol

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

Nhóm 2

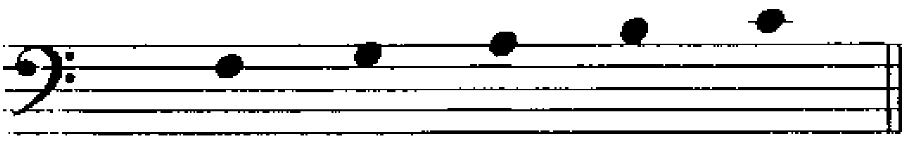

1

Fa ....

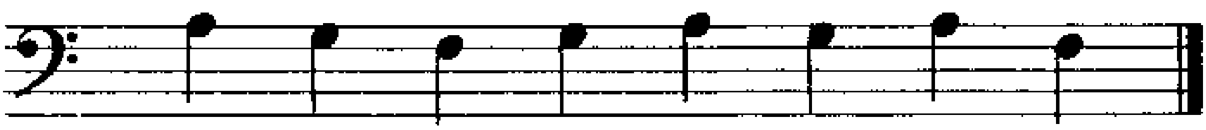

....

2

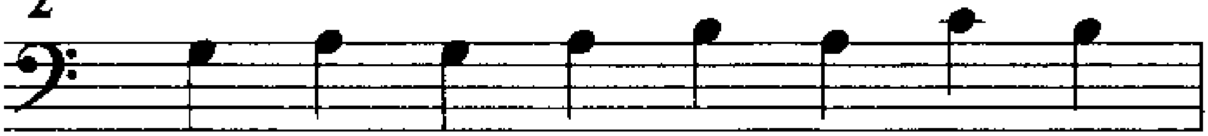

Sol ....

....

3

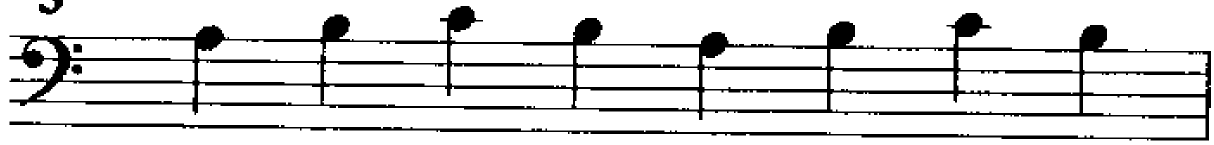

La ....

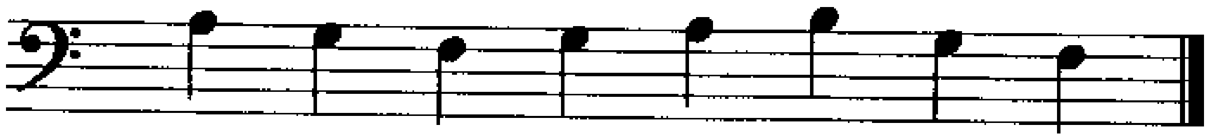

....

4

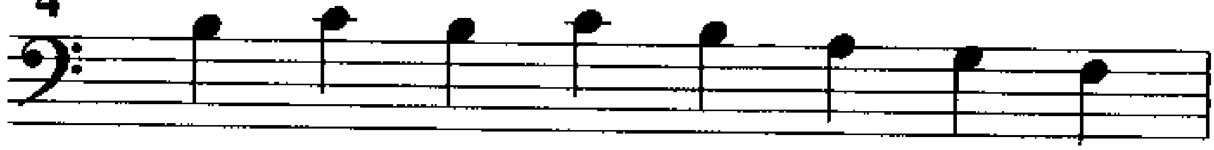

Si ....

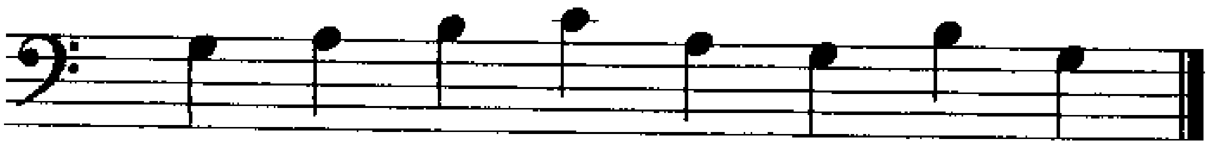

....

5

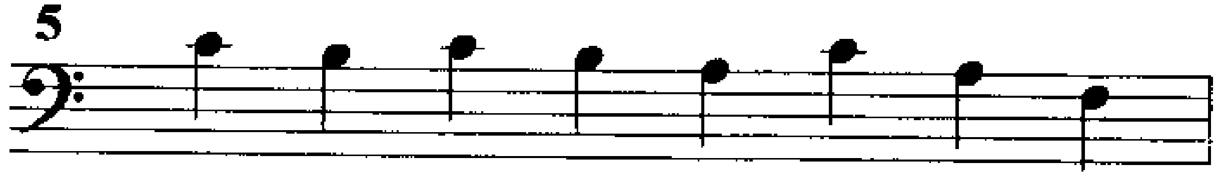

Đô ....

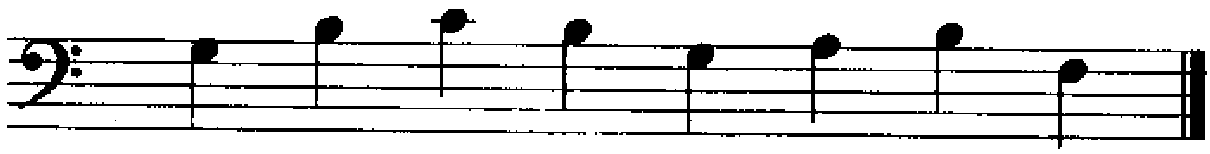

....

Bài 14

NHỮNG NHÓM NỐT BẤT THƯỜNG

Để thêm phần phong phú và đa dạng, trong âm nhạc còn có những nhóm nốt bất thường.

1. LIÊN BA VÀ LIÊN SÁU

A. LIÊN BA : Là cách phân chia hình nốt nhạc ra làm 3 phần, thay vì chia 2 như trước đây.

Trước đây :

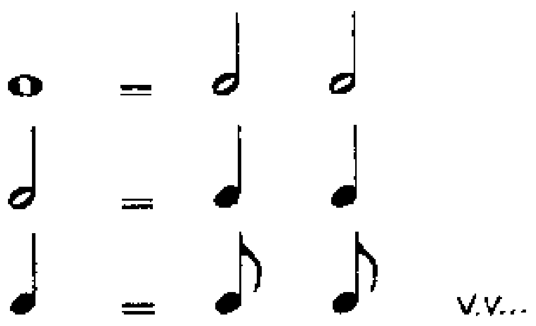

Liên Ba

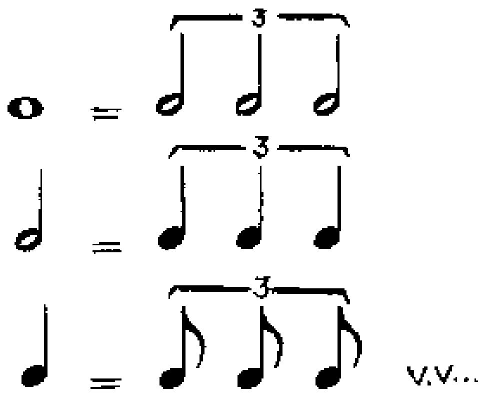

Tuy chia 3, nhưng trường độ hình nốt vẫn không thay đổi.

Thí dụ :

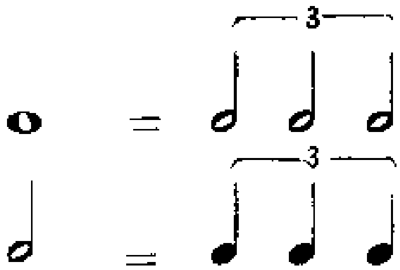

Truờng độ vẫn là 4 phách

Truờng độ vẫn là 2 phách.

Trong diễn xuất, bất kỳ 1 Liên Ba nào, cũng có nhiều hình thức thể hiện khác nhau, nhưng giá trị tổng cộng vẫn không thay đổi.

Thí dụ :

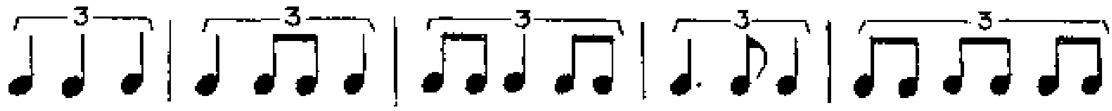

Trong Liên Ba, cũng có dấu Lặng

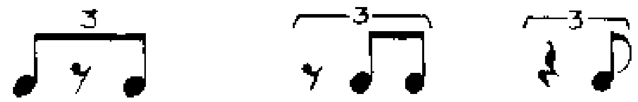

B. LIÊN SÁU : Là cách phân chia nốt nhạc ra làm 6 phần, thay vì 4 phần như trước đây.

Trước đây : **Liên Sáu**

Ghi chú : Cần phân biệt giữa 2 Liên Ba và Liên Sáu

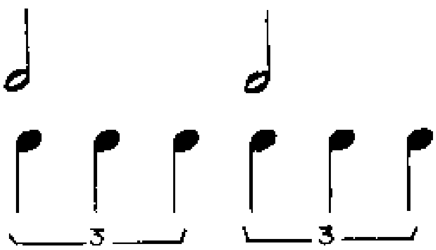

Khác với

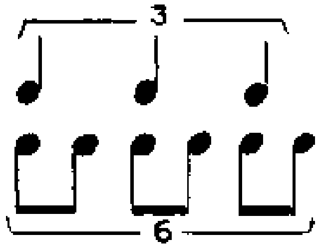

2 Liên Ba **Liên Sáu**

* Trong Liên Ba đôi (2 Liên Ba) có 2 nhóm 3 nốt – Nhấn nốt thứ 1 và nốt thứ 4.

* Trong Liên Sáu, có 3 nhóm 2 nốt-Nhấn các nốt thứ 1, 3, 5.

2. LIÊN HAI và LIÊN BỐN

Ngược lại với Liên Ba và Liên Sáu, liên Hai và Liên Bốn và sự chia 2 hay chia 4 một **hình nốt có chấm.**

Hình nốt có chấm :

Trước đây :

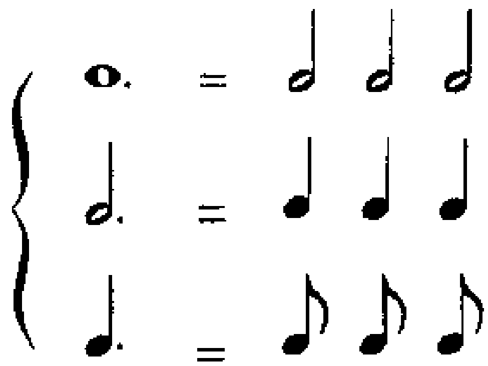

Liên Hai

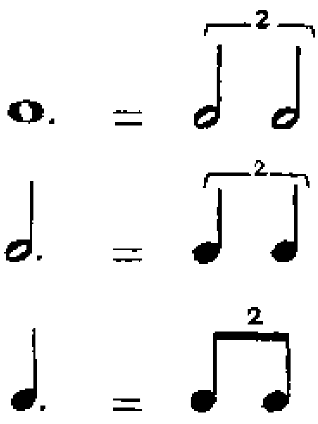

Liên Bốn

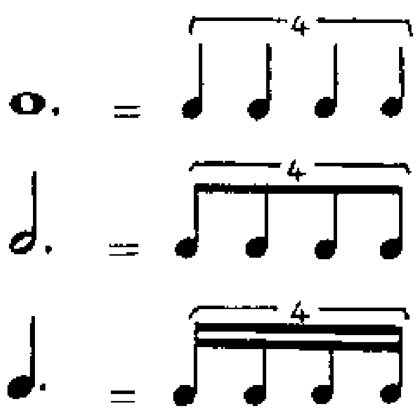

Trong diễn xuất, Liên Hai và Liên Bốn cũng có nhiều hình thức khác nhau, kể cả sự có mặt của các dấu Lặng.

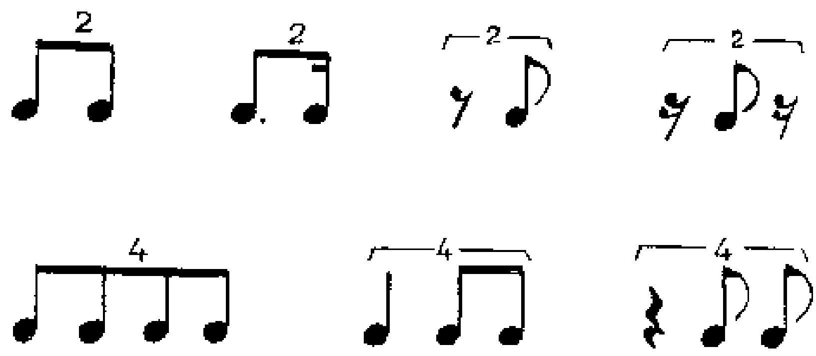

Ghi chú :

Còn có những nhóm nốt bất thường khác như : 5, 7, 9, 11 nốt, lúc đó sự diễn xuất tương ứng với các nhóm 4, 6, 8, 10.

Thí dụ :

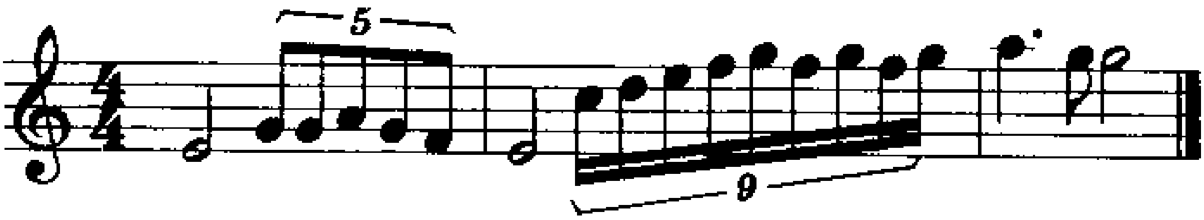

Bài 15

ÂM GIAI (Gam)

7 âm thanh liên tiếp nhau theo thứ tự : Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si thành 1 âm giai nếu ta thêm vào đó 1 âm thanh thứ 8. Âm thanh thứ 8 này chỉ lặp lại tên của âm thanh thứ nhất, nhưng nó cao hơn 1 quãng 8.

Đô,	Rê,	Mi,	Fa,	Sol,	La,	Si	Đô
I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII

Có 2 loại **Âm giai** :

1. ÂM GIAI TRƯỞNG :

Một âm giai được gọi là **Âm giai Trưởng**, sẽ có các khoảng cách cao độ như sau :

$$1c - 1c - \frac{1}{2}c - 1c - 1c - 1c - \frac{1}{2}c$$

Thí du 1

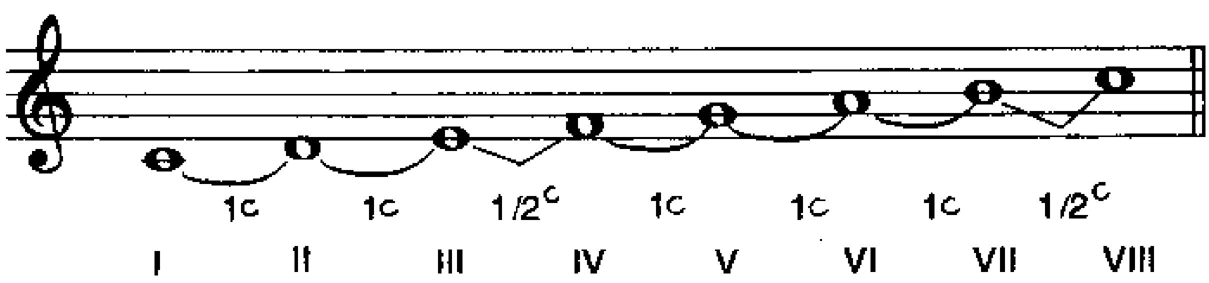

Nhận xét :

* 8 âm thanh liên tiếp đã đủ điều kiện khoảng cách về cao độ, để trở thành **Âm giai Trưởng.**
* Nốt đầu tiên của 8 âm thanh nầy là tên của Âm giai Trưởng : Âm giai Đô Trưởng
* Mỗi âm thanh được gọi là Bậc, đánh số theo thứ tự La mã, từ thấp lên cao.

Thí dụ 2

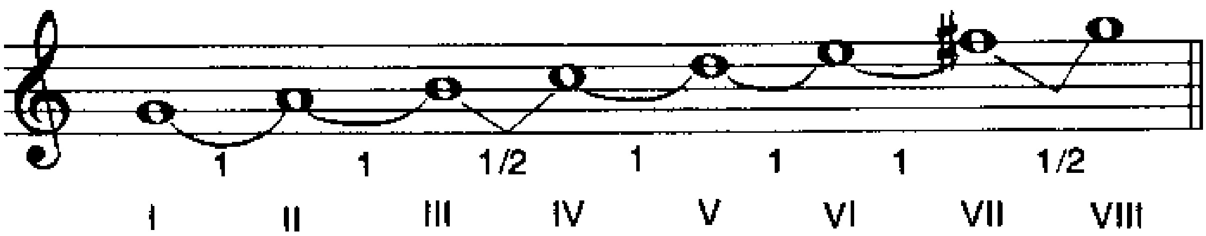

Nhận xét :

* 8 âm thanh liên tiếp trên được gọi là **Âm giai Sol Trưởng,** khi có nốt Fa (bậc VII) tăng lên nửa cung.

2. ÂM GIAI THỨ :

Một âm giai, được gọi là **Âm giai Thứ,** sẽ có các khoảng cách cao độ như sau :

$$1c - \frac{1}{2}c - 1c - 1c - \frac{1}{2}c - 1c - 1c$$

Thí dụ:

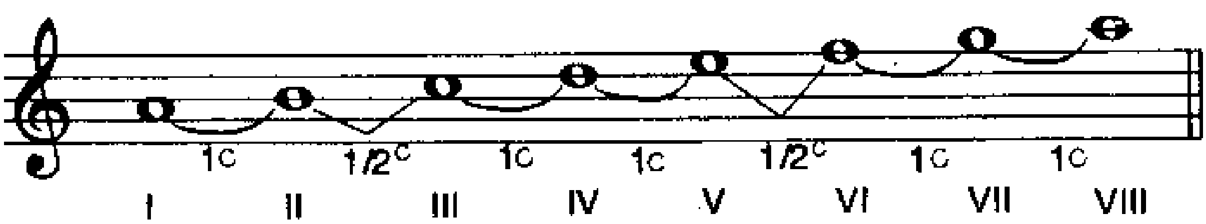

Nhận xét :

* 8 âm thanh liên tiếp trên, đã đủ điều kiện khoảng cách về cao độ để trở thành **Âm Giai Thứ**

* Nốt đầu tiên của Âm giai nầy được chọn là tên của Âm giai Thứ : **Âm Giai La Thứ**

Ghi chú quan trọng về âm giai thứ

Để tạo cảm giác thu hút, mềm mại, nhẹ nhàng, trong các âm giai Thứ, tất cả các nốt thứ 7 (bậc VII) đều tăng lên nửa cung.

Thí dụ :

Âm giai LA thứ :

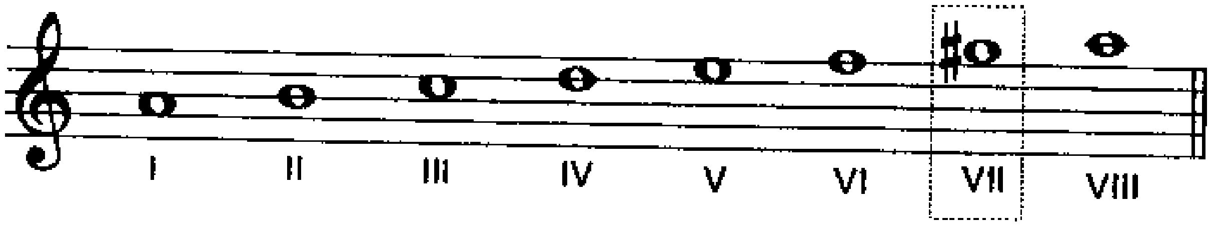

Nốt SOL tăng lên 1/2 cung

Âm giai RÊ thứ :

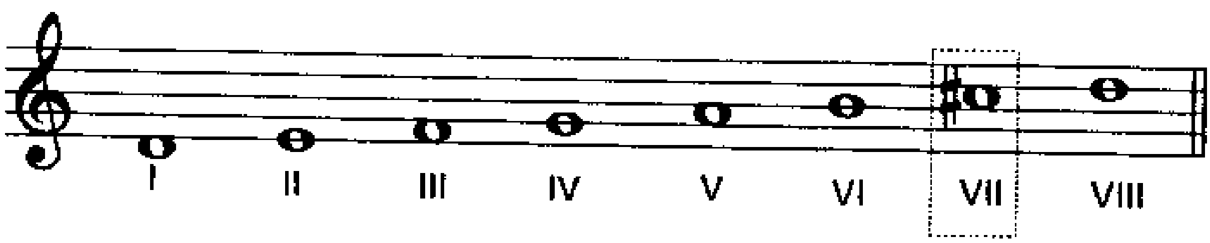

Nốt ĐÔ tăng lên 1/2 cung

TÊN VÀ Ý NGHĨA CÁC BẬC TRONG ÂM GIAI

Mỗi âm thanh đều có thể được dùng để đặt tên cho một 1 âm giai.

Để khỏi lầm lẫn, mỗi bậc trong âm giai đều có thể mang 1 tên riêng để xác định vị trí và vai trò của nó trong âm giai.

CÁC BẬC TRONG ÂM GIAI

BẬC	TÊN GỌI	Ý NGHĨA
Bậc I	CHỦ ÂM	Nốt quan trọng nhất trong âm giai. Tên của nó được dùng để đặt tên cho âm giai.
Bậc II	THƯỢNG CHỦ ÂM	Cao hơn chủ âm một bậc nên gọi là "Thượng" - Ít quan trọng, có khuynh hướng bị hút về chủ âm (Bậc I).
Bậc III	TRUNG ÂM	Nốt Trung gian giữa 2 âm quan trọng nhất là : Chủ âm (Bậc I) và Át âm (Bậc V).

Bậc IV	HẠ ÁT ÂM	Dưới Át âm, nên gọi là "Hạ" Có khuynh hướng bị hút về bậc III. Tuy nhiên, khi bậc này được tăng lên nửa cung, nó sẽ biến thành cảm âm của át âm.
Bậc V	ÁT ÂM	Nốt quan trọng thứ 2, sau chủ âm, có tính chất áp đảo, thống trị các âm khác. Nó có sức mạnh lôi cuốn và làm cho ta chú ý đến sự hiện diện của nó.
Bậc VI	THƯỢNG ÁT ÂM	Nằm trên Át âm một bậc.
Bậc VII	CẢM ÂM	Vì tính chất nhạy cảm. Cảm âm có khuynh hướng bị hút về Chủ âm.

Ghi chú :

Trong 7 bậc của âm giai, 3 bậc sau đây quan trọng nhất và là 3 nốt chính của âm giai

Bậc I - CHỦ ÂM

Bậc III - TRUNG ÂM

Bậc V - ÁT ÂM

CÁC NỐT CHÍNH TRONG ÂM GIAI

	ÂM GIAI TRƯỞNG		ÂM GIAI THỨ
C	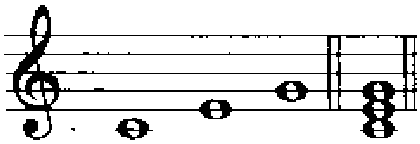	Am	
G	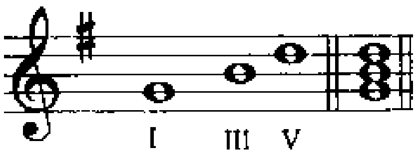	Em	
D	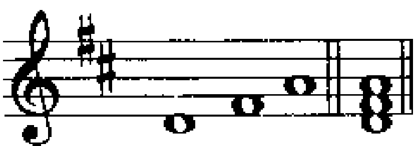	Bm	
A	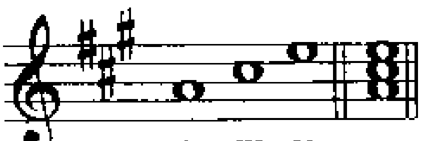	F#m	

	ÂM GIAI TRƯỞNG		ÂM GIAI THỨ
E	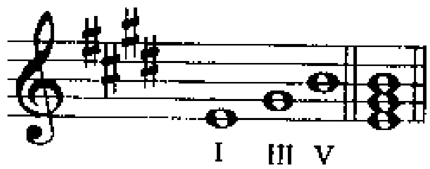	C♯m	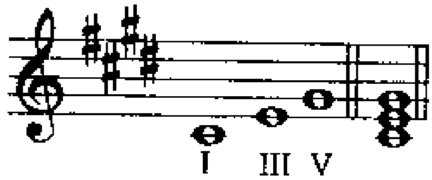
F		Dm	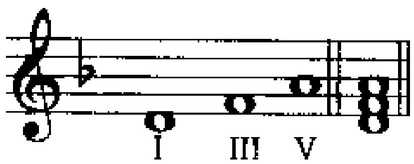
B♭	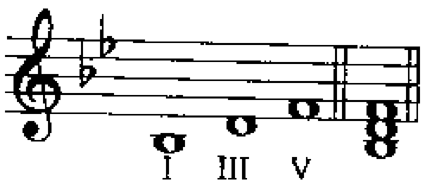	Gm	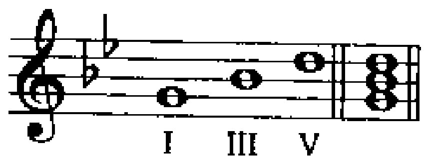
E♭		Cm	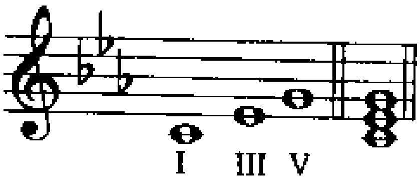

Bài 16

QUÃNG

1. TÊN GỌI

Khoảng cách cao độ giữa 2 nốt nhạc gọi là **Quãng**.

Thí dụ :

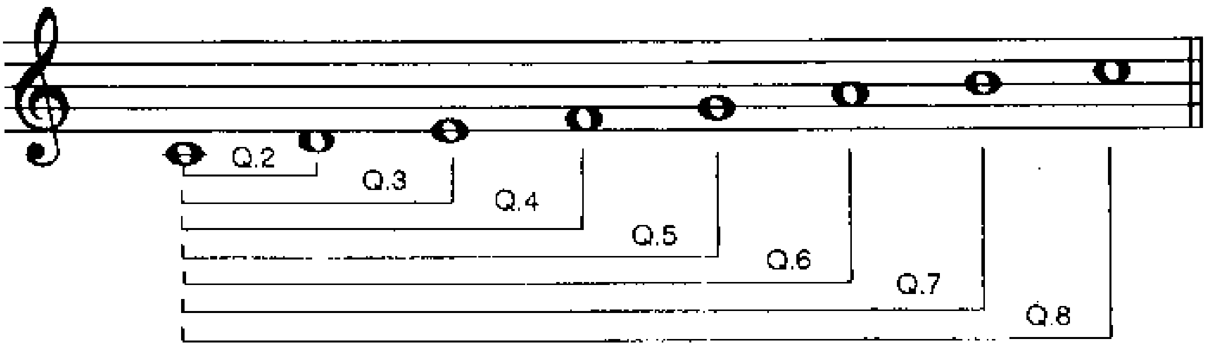

Đô - Rê : Quãng 2 (Đô - Rê)

Đô - Mi : Quãng 3 (Đô - Rê - Mi)

Đô - Fa : Quãng 4 (Đô - Rê - Mi - Fa)

Đô - Sol : Quãng 5 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol)

Đô - La : Quãng 6 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol - La)

Đô - Si : Quãng 7 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol - La - Si)

Đô - Đố : Quãng 8 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol - La - Si - Đô)

2. TÍNH CHẤT

Căn cứ trên khoảng cách cao độ giữa các nốt nhạc, tính chất và cấu tạo của các Quãng như sau :

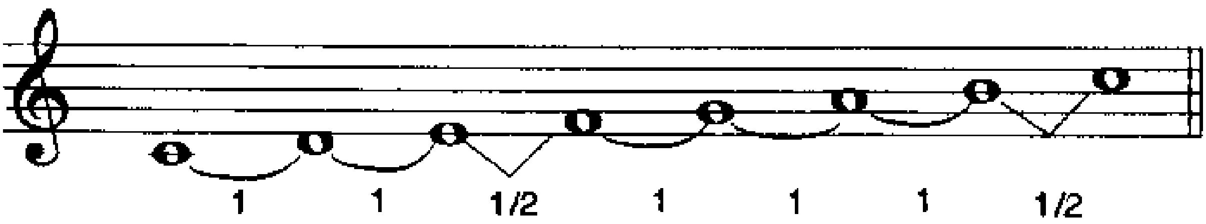

Quãng 2 Trưởng : Có khoảng cách 1 cung (Đô-Rê, Rê-Mi, Fa-Sol, Sol-La, La-Si)

Quãng 2 Thứ : Có khoảng cách 1/2 cung (Mi-Fa, Si-Đô)

Quãng 3 Trưởng : Có khoảng cách 2 cung (Đô-Mi, Fa-La, Sol-Si)

Quãng 3 Thứ : Có khoảng cách 1 cung và 1 nửa cung Dị (Rê-Fa, Mi-Sol, La-Đô)

Quãng 4 Đúng : Có khoảng cách 2 cung và 1 nửa cung Dị (Đô-Fa, Rê-Sol, Mi-La. Sol-Đô)

Quãng 5 Đúng : Có khoảng cách 3 cung và 1 nửa cung Dị (Đô-Sol, Rê-La, Mi-Si, Fa-Đô)

Quãng 6 Trưởng : Có khoảng cách 4 cung và 1 nửa cung Dị (Đô-La, Rê-Si)

Quãng 6 Thứ : Có khoảng cách 3 cung và 2 nửa cung Dị (Mi - Đố)

Quãng 7 trưởng : Có khoảng cách 5 cung và 1 nửa cung Dị (Đố - Sí)

Quãng 7 Thứ : Có khoảng cách 4 cung và 2 nửa cung Dị (Rê - Đố)

Quãng 8 Đúng : Có khoảng cách 5 cung và 2 nửa cung Dị (Đô - Đố)

Bài 17

HỢP ÂM

Những âm thanh cùng phát ra 1 lượt từ các Quãng 3 (Trưởng hoặc thứ) chồng chất lên nhau, gọi là **Hợp âm**

Thí dụ :

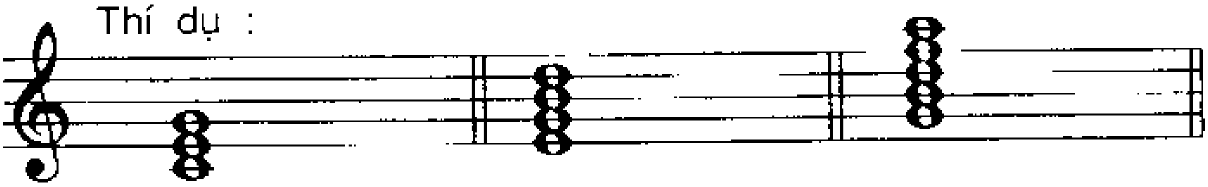

H.Â ĐÔ H.Â MI H.Â SOL

Nhận xét :

* Nốt nhạc thấp nhất của các Quãng 3 liên tiếp chồng lên nhau được chọn làm tên của Hợp âm.
* Mỗi Hợp âm có ít nhất là 3 nốt và 3 nốt đó phải khác tên nhau.
* Các nốt trong Hợp âm đều thuộc về 1 Âm giai.
* Tùy theo số nốt cấu tạo thành hợp âm, ta có tên gọi : Hợp âm 3 nốt, Hợp âm 4 nốt, Hợp âm 5 nốt.

CÁC LOẠI HỢP ÂM

Căn cứ theo tính chất cấu tạo, ta có **Hợp âm Thuận** và **Hợp âm Nghịch**

1. HỢP ÂM THUẬN :

Khi nghe cho ta cảm giác hài hòa, êm thắm, thuận tai, ổn định và mãn nguyện.

Có 2 loại Hợp âm Thuận.

a. Hợp âm Trưởng :

Gồm 2 Quãng 3 chồng lên nhau : Quãng 3 Trưởng phía dưới, Quãng 3 Thứ phía trên

Thí dụ :

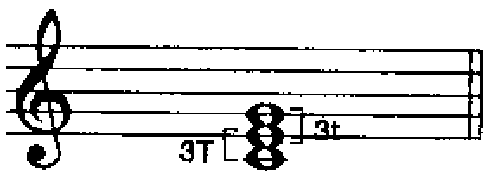

Hợp âm Đô trưởng

b. Hợp âm Thứ : Ngược lại, Quãng 3 Thứ phía dưới, Quãng 3 Trưởng phía trên.

Thí dụ :

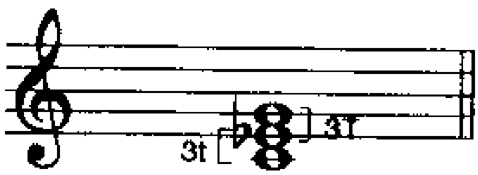

Hợp âm Đô Thứ

Ghi chú :

* Các Hợp âm Thuận chỉ có 3 nốt.

* Cách đọc Hợp âm : Từ phía dưới đọc lên

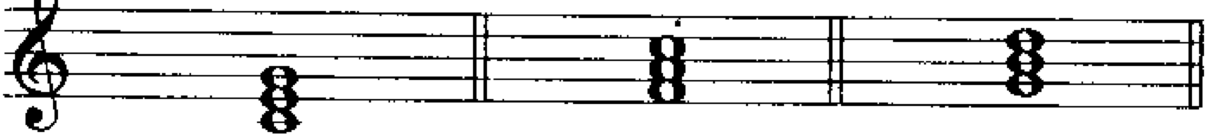

Đọc : Đô-Mi-Sol Fa-La-Đô Sol-Si-Rê

2. HỢP ÂM NGHỊCH :

Khi nghe cho ta cảm giác bất ổn, chói tai, gay gắt, đòi hỏi 1 cách giải quyết khác ổn định hơn.

Các loại Hợp âm nghịch

Hợp âm 5 tăng	(5^+)
Hợp âm 5 giảm	(5^-)
Hợp âm 6	(6)
Hợp âm 6 thứ	(6m)
Hợp âm 7	(7)
Hợp âm 7 trưởng	(7M)
Hợp âm 7 thứ	(7m)
Hợp âm 7 giảm	(7 dim)...

Thí dụ : Hợp âm **Đô** dùng trong thể **Nghịch**

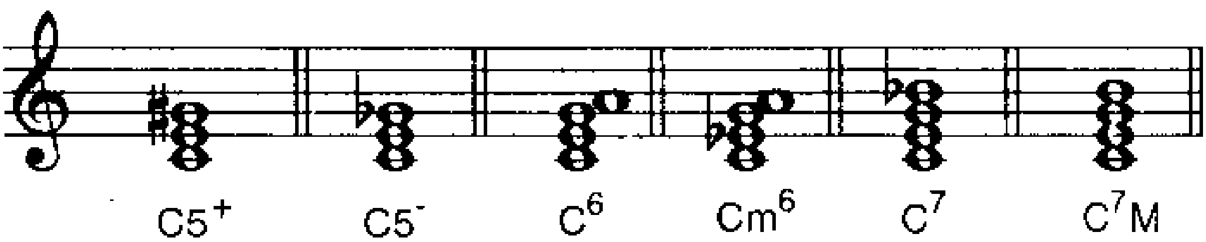

Trên đây chỉ là những khái niệm sơ đẳng về hợp âm, chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ lưỡng và sâu sắc hơn trong các chương trình **Nhạc Lý Nâng cao**, tiếp theo tập sách này và cùng một tác giả.

Bài 18

CHỮ VIẾT TẮT CỦA HỢP ÂM

Người ta dùng 7 mẫu tự để thay thế cho 7 tên nốt và 7 tên hợp âm như sau :

A	B	C	D	E	F	G
La	Si	Đô	Rê	Mi	Fa	Sol

Tùy theo tính chất của hợp âm, ngoài ta thêm vào các ký hiệu như sau :

1. HỢP ÂM TRƯỞNG : Để nguyên các mẫu tự

A = Hợp âm La Trưởng
B = Hợp âm Si Trưởng
C = Hợp âm Đô Trưởng
D = Hợp âm Rê Trưởng
E = Hợp âm Mi Trưởng
F = Hợp âm Fa trưởng
G = Hợp âm Sol trưởng

2. HỢP ÂM THỨ : Thêm chữ "m" sau các mẫu tự

Am = Hợp âm La Thứ
Bm = Hợp âm Si Thứ
Cm = Hợp âm Đô Thứ
Dm = Hợp âm Rê Thứ

Em = Hợp âm Mi Thứ
Fm = Hợp âm Fa Thứ
Gm = Hợp âm Sol Thứ

3. HỢP ÂM BẢY : Thêm số "7" sau các mẫu tự

A7 = Hợp âm La Bảy
B7 = Hợp âm Si Bảy
C7 = Hợp âm Đô Bảy
D7 = Hợp âm Rê Bảy
E7 = Hợp âm Mi Bảy
F7 = Hợp âm Fa Bảy
G7 = Hợp âm Sol Bảy

4. HỢP ÂM BẢY THỨ : Gồm Hợp âm thứ thêm số "7" sau mẫu tự

Am7 = Hợp âm La Thứ Bảy
Bm7 = Hợp âm Si Thứ Bảy
Cm7 = Hợp âm Đô Thứ Bảy
Dm7 = Hợp âm Rê Thứ Bảy
Em7 = Hợp âm Mi Thứ Bảy
Fm7 = Hợp âm Fa Thứ Bảy
Gm7 = Hợp âm Sol Thứ Bảy

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Viết tắt tên của các Hợp âm dưới đây :

Đô trưởng	....	La trưởng	....
Đô thứ	....	La thứ	....
Đô bảy	....	La bảy	....
Đô thứ bảy	....	La thứ bảy	....
Rê trưởng	....	Si trưởng	....
Rê thứ	....	Si thứ	....
Rê bảy	....	Si bảy	....
Rê thứ bảy	....	Si thứ bảy	....
Mi trưởng	....	La thứ	....
Mi thứ	....	Sol trưởng	....
Mi bảy	....	Mi bảy	....
Mi thứ bảy	....	Rê thứ	....
Fa trưởng	....	Mi thứ	....
Fa thứ	....	Si bảy	....
Fa bảy	....	Si thứ bảy	....
Fa thứ bảy	....	Fa trưởng	....
Sol trưởng	....	Sol bảy	....
Sol thứ	....	Đô trưởng	....
Sol bảy	....	La thứ	....
Sol thứ bảy	....	Sol trưởng	....

2. Viết ra đầy đủ tên Hợp âm từ các chữ viết tắt sau đây:

Ghi Chú : Các dấu hóa sẽ viết liền sau mẫu tự nếu có hợp âm Thăng hoặc Giáng.

Thí dụ : F♯m = Fa Thăng Thứ ; E♭ = Mi Giáng Trưởng

F♯m	....	D	....
E	....	Gm	....
C7	....	Bm	....
G7	....	Am	....
C	....	Gm7	....
Am	....	E♭	....
E7	....	Cm	....
B7	....	E7	....
Em	....	F7	....
A	....	B♭	....
B	....	A7	....
Cm	....	C7	....
C7	....	G7	....
Dm	....	C♯	....
G7	....	Gm	....
Dm7	....	Bm	....
G	....	Dm	....
Em7	....	D7	....
F	....	B♭	....
Fm	....	C	....

Bài 19

ÂM THỂ

Âm thể còn gọi là **Cung** hay **Ton** (Tông).

Một âm giai có thể tạo thành nhiều Hợp âm.

Âm thể là tên gọi của một **Hợp âm** nằm trong Âm giai đó, nhưng Hợp âm này sẽ giữ một vị trí quan trọng hơn tất cả Hợp âm khác và là đại diện cụ thể cho Âm giai đó.

Thí dụ : **Các nốt trong Âm giai Đô trưởng được tạo thành Hợp âm**

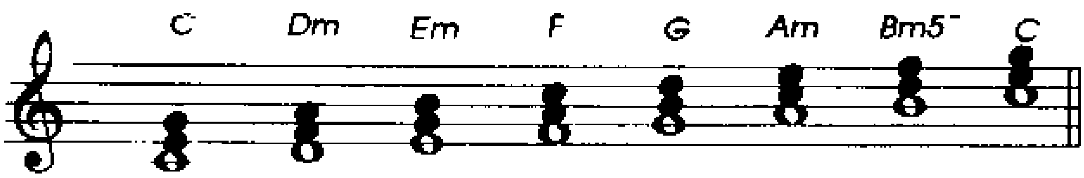

Thí dụ trên cho ta nhận xét : Đô trưởng vừa là **Hợp âm** (thành viên của Âm giai) vừa là **Âm thể** (đại diện cho âm giai)

Giống như mối tương quan trong gia đình Cha - Mẹ - Con.

Người cha (Hợp âm Đô Trưởng) vừa là 1 **thành viên** trong gia đình, vừa là **chủ hộ** (Âm thể Đô trưởng) đại diện cho gia đình đối với xã hội.

Chúng ta hãy nhận xét và phân tích bài Silent Night sau đây. thuộc về **Âm thể Đô trưởng**.

Silent Night

Để được là **Âm thể Đô trưởng**, hợp âm Đô trưởng sẽ đảm nhận những nhiệm vụ sau đây :

1. Khởi đầu và kết thúc (có luật trừ)

C - G7 - C - F - C - F - C - G7 - C - G7 - C

khởi đầu và kết thúc

2. Xuất hiện nhiều lần :

C - G7 - C - F - C - F - C - G7 - C - G7 - C

3. Có sức thu hút các hợp âm khác về mình

C - G7→C - F→C - F→C - G7→C - G7→C

Trong diễn xuất, nhờ có các **Dấu hóa theo khóa** (còn gọi là Dấu hóa Thành lập) sẽ xác nhận cho ta biết bản nhạc thuộc Âm Thể nào.

BẢNG HƯỚNG DẪN HÓA BIỂU ♯

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THỂ
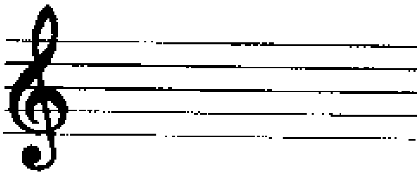 Bộ khoá không có Dấu Hoá	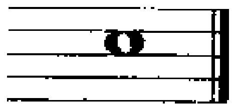	C
	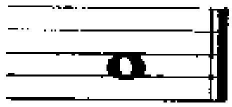	Am
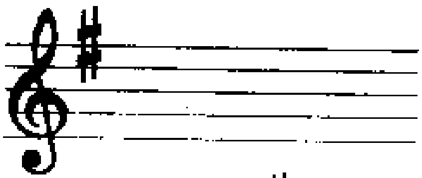 Fa♯	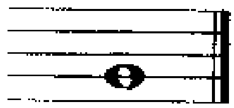	G
	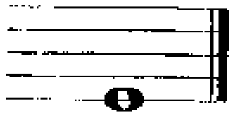	Em
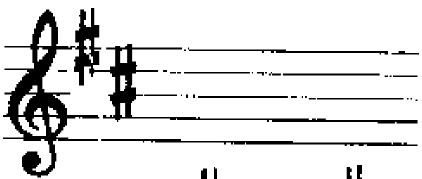 Fa♯ Đô♯	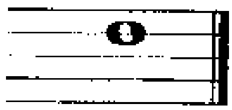	D
	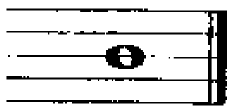	Bm
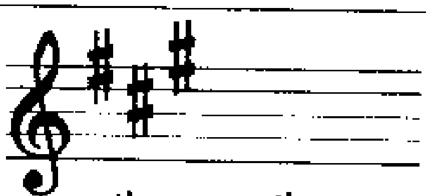 Fa♯ Đô♯ Sol♯	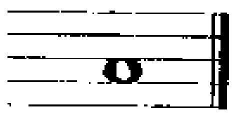	A
	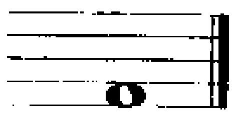	F♯m

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THỂ
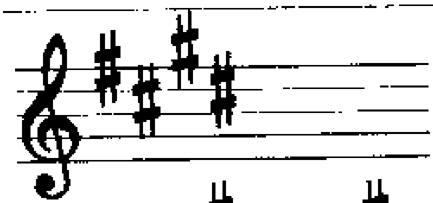 Fa# Đô# Sol# Rê#	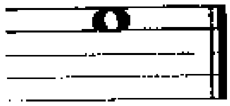	E
	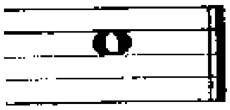	C#m
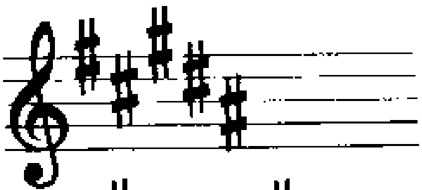 Fa# Đô# Sol# Rê# La#	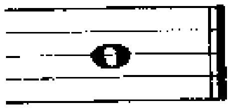	B
	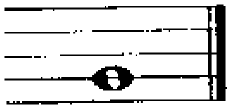	G#m
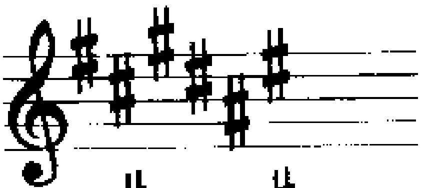 Fa# Đô# Sol# Rê# La# Mi#	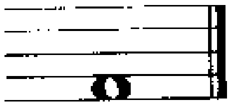	F#
	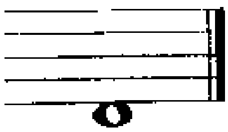	D#m
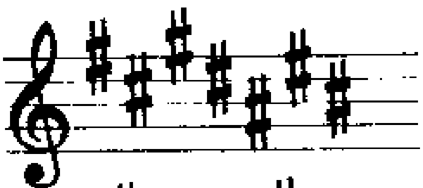 Fa# Đô# Sol# Rê# La# Mi# Si#		C#
	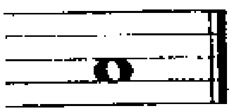	A#m

BẢNG HƯỚNG DẪN HÓA BIỂU ♭

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THỂ
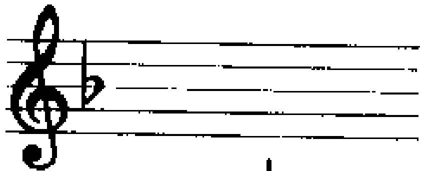 Si♭	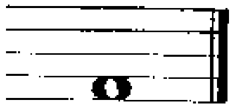	F
	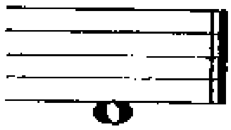	Dm
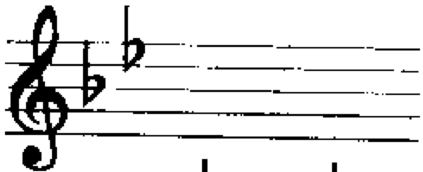 Si♭ Mi♭	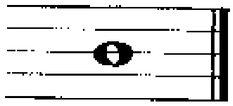	B♭
	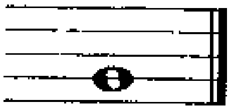	Gm
Si♭ Mi♭ La♭	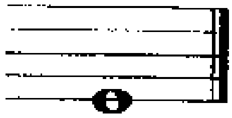	E♭
	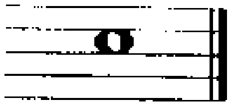	Cm
Si♭ Mi♭ La♭ Rê♭	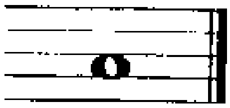	A♭
		Fm

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THỂ
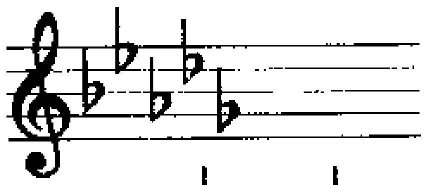 Si♭ Mi♭ La♭ Rê♭ Sol♭	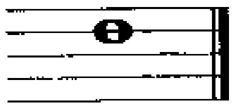	D♭
	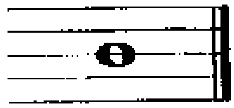	B♭m
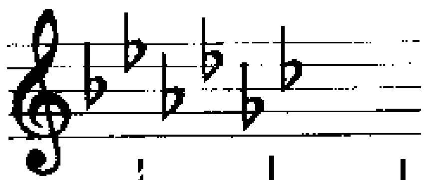 Si♭ Mi♭ La♭ Rê♭ Sol♭ Đô♭	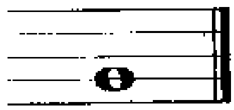	G♭
	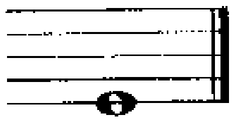	E♭m
Si♭ Mi♭ La♭ Rê♭ Sol♭ Đô♭ Fa♭	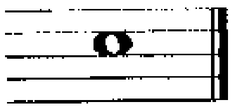	C♭
	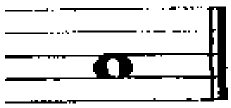	A♭m

Bài 20

PHÁCH MẠNH - PHÁCH NHẸ VÀ NHỊP LẤY ĐÀ

1. PHÁCH MẠNH - PHÁCH NHẸ

Cường độ của các phách trong mỗi ô nhịp không đều nhau, nên có **Phách mạnh** và **Phách nhẹ**.

Thí dụ :

Nhịp có 2 phách :

Phách 1 → mạnh
Phách 2 → Nhẹ

Nhịp 3 phách :

Phách 1 → Mạnh
Phách 2, 3 → Nhẹ

Nhịp có 4 phách :

Phách 1 → Mạnh
Phách 2 → Nhẹ
phách 3 → khá mạnh
phách 4 → nhẹ

Ghi chú :

Ký hiệu > gọi là dấu **nhấn**, đặt trên hay dưới nốt nào, thì nốt đó được **nhấn mạnh** (Phách mạnh, Trọng âm, Nốt quan trọng)

Thí dụ :

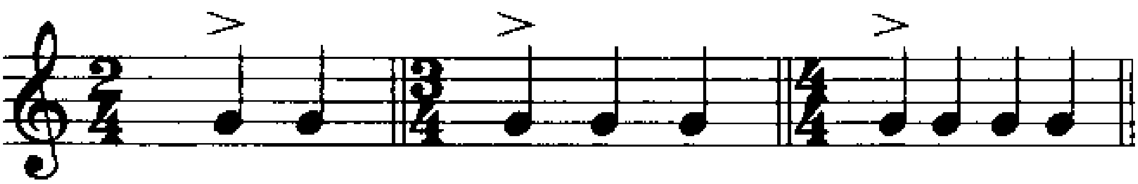

Phách mạnh hay phách nhẹ không dành riêng cho một hình nốt nào cả. Theo nguyên tắc, khi một hình nốt chia 2 thì phần chia thứ 1 ở trạng thái **mạnh**, phần chia thứ 2 ở trạng thái **nhẹ**.

Thí dụ :

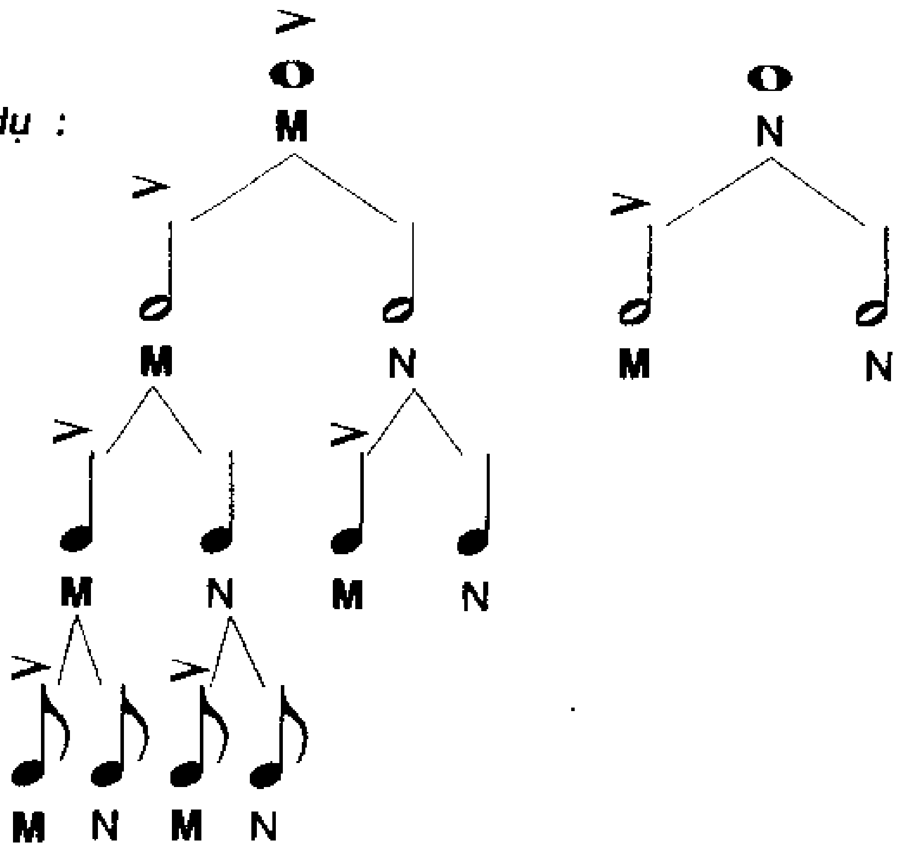

Theo hình vẽ trên, ta nhận thấy bất cứ hình nốt nào cũng đều có thể là Phách mạnh hoặc Phách nhẹ và chỉ căn cứ **trên vị trí tương quan** của chúng mà có sự phân biệt mạnh hay nhẹ.

Ghi chú :

* Các trường hợp hình nốt chia 3, thì phách 1 mạnh, phách 2 và 3 nhẹ.

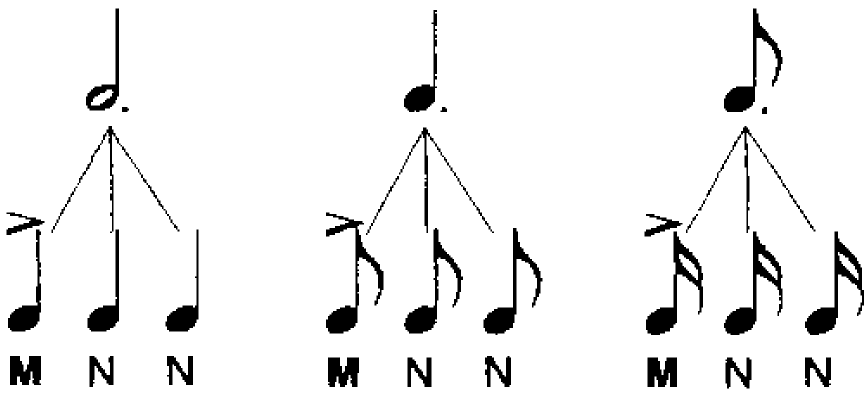

* Phách đầu tiên sau vạch nhịp là phách mạnh nhất và giữ vị trí quan trọng nhất.

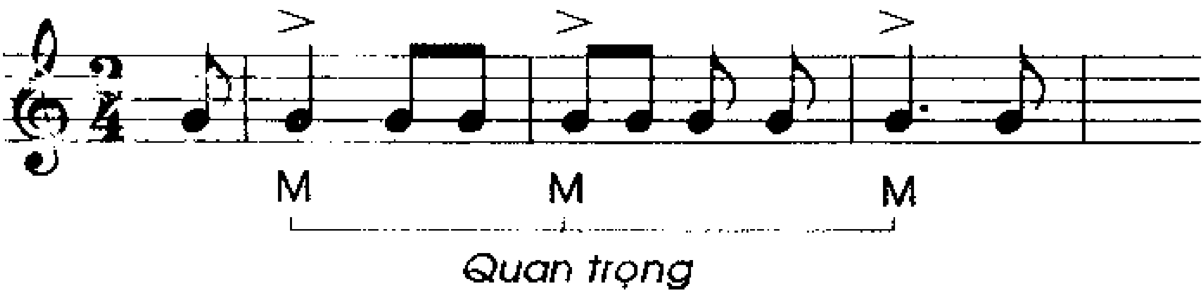

2. *Nhịp lấy đà.*

Nhịp lấy đà là tên gọi của ô nhịp đầu tiên (của 1 số bản nhạc) không có đủ số phách theo qui định của số chỉ nhịp.

Trong ô nhịp lấy đà không có phách mạnh

Thí dụ : **QUI SAIT**

Bắt đầu ghi hợp âm và đệm từ đây

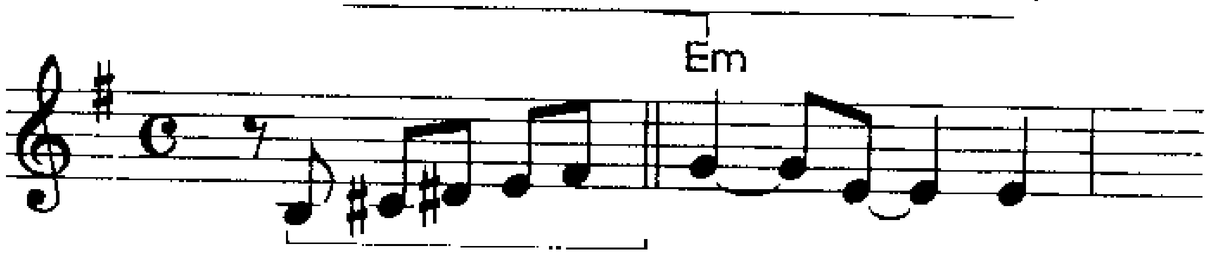

Nhịp lấy đà (thiếu 1 phách 1/2)

Ghi chú :

Ở nhịp lấy đà không có ghi hợp âm. Phần đệm đàn sẽ chính thức bắt đầu từ phách mạnh đầu tiên sau ô nhịp lấy đà.

Bài 21

ĐẢO PHÁCH & NGHỊCH PHÁCH

1. ĐẢO PHÁCH :

Cảm giác rất bình thường khi nghe 1 âm thanh từ phách mạnh ngân dài sang 1 phách khác (mạnh hoặc nhẹ). Nhưng khi 1 âm thanh thuộc về **Phách nhẹ** lại được ngân dài qua **Phách mạnh**, tai nghe sẽ phát hiện sự bất thường đó.

Sự bất thường đó là **Đảo phách**, còn gọi la nhịp chỏi.

BÌNH THƯỜNG

Thí dụ 1 : Phách mạnh ngân sang phách mạnh :

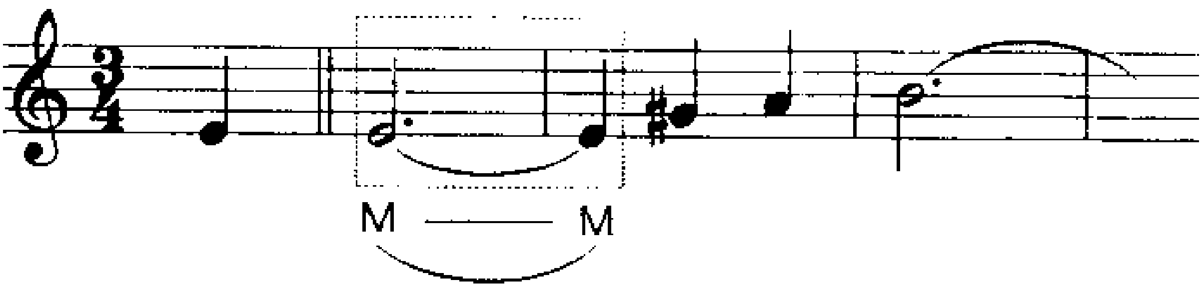

Thí dụ 2 : Phách mạnh ngân sang phách nhẹ

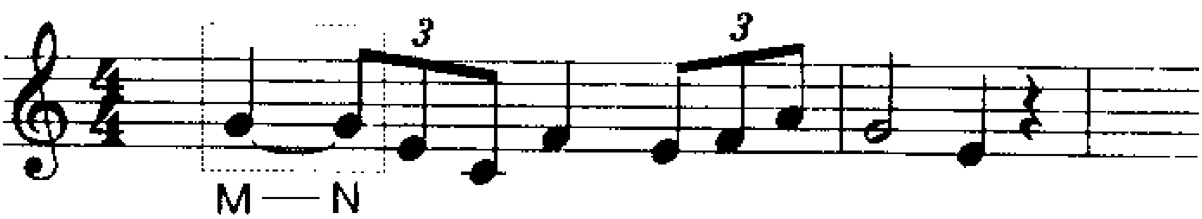

ĐẢO PHÁCH

Thí dụ 1 : Từ phách nhẹ ngân sang phách mạnh

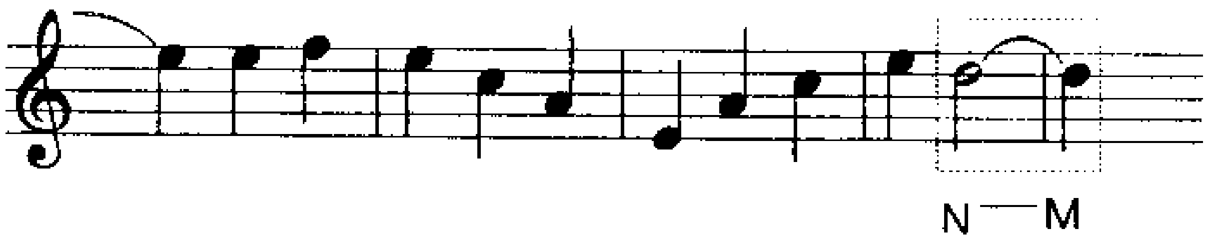

Thí dụ 2 : Từ **phần nhẹ** của phách trước ngân dài sang **phần mạnh** của phách sau.

Trong diễn xuất, Đảo phách có nhiều hình thức tương quan khác nhau :

Tương quan : 1 - 1 (còn gọi là đảo phách cân)

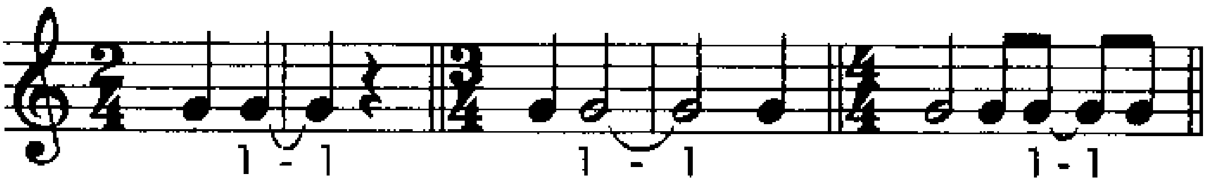

Tương quan : 2 - 1 (đảo phách lệch)

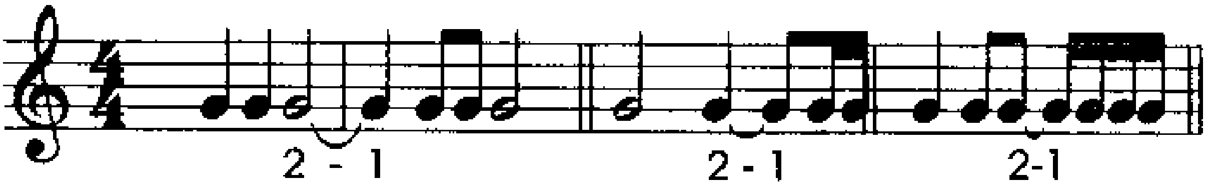

Tương quan : 1 - 2 (đảo phách lệch ngược)

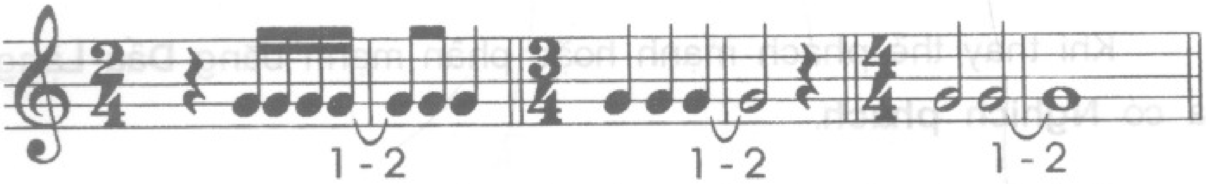

Ngoài ra còn có những đảo phách có hình thức tương quan khác như : 3-1, 1-3

CÁCH VIẾT KHÁC CỦA ĐẢO PHÁCH

Ở một số trường hợp và trong cùng 1 ô nhịp, ta có thể viết Đảo phách theo 1 hình thức khác như sau :

Thay 2 nốt nhạc trong dấu nối bằng 1 hình nốt khác có trường độ tương đương :

2. NGHỊCH PHÁCH :

Khi thay thế phách mạnh hoặc phần mạnh bằng **Dấu Lặng**, ta có **Nghịch phách**.

Nghịch phách có hiệu quả như đảo phách.

Thí dụ :

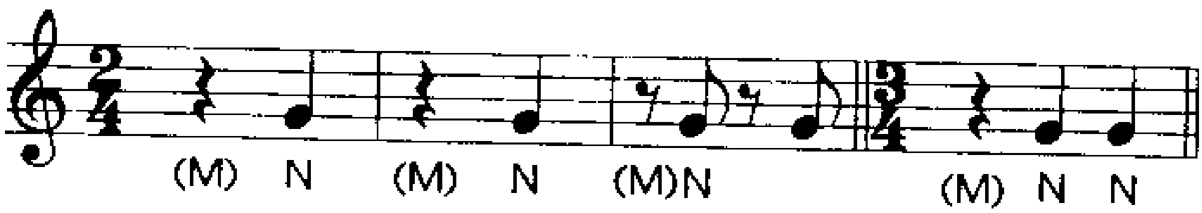

Âm nhạc hiện nay vẫn luôn tìm tòi và phát triển những hình thức Đảo phách mới. Đảo phách gây ấn tượng và cảm giác tươi vui, khỏe khoắn, nhí nhảnh, tưng bừng, nhộn nhịp phù hợp với giới trẻ năng động trong cuộc sống hiện đại.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

A. ĐẢO PHÁCH

Dùng viết chì khoanh tròn các **nhóm nốt có đảo phách** trong các bài tập dưới đây :

Thí dụ

Ghi chú : **Nhóm nốt có đảo phách** được tính từ **nốt bắt đầu thực** hiện đảo phách cho đến **nốt kết thúc** đảo phách (không hạn chế số lượng các nốt tham gia đảo phách)

1. Dùng viết chì khoanh tròn 6 nhóm nốt đảo phách trong bài tập dưới đây :

2. Dùng viết chì khoanh tròn 6 nhóm nốt đảo phách trong bài tập dưới đây :

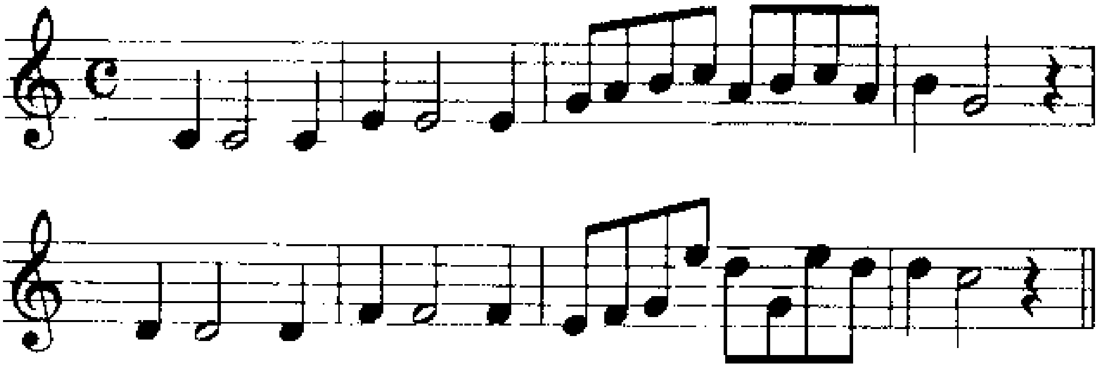

3. Dùng viết chì khoanh tròn 8 nhóm nốt đảo phách trong bài tập dưới đây :

G. Carulli

B. NGHỊCH PHÁCH

Gọi là nghịch phách, khi **phách mạnh** hoặc **phần mạnh** của phách được thay thế bằng dấu lặng.

Thí dụ :

* Dấu lặng thay thế phách mạnh

Happy new year *(trích)*

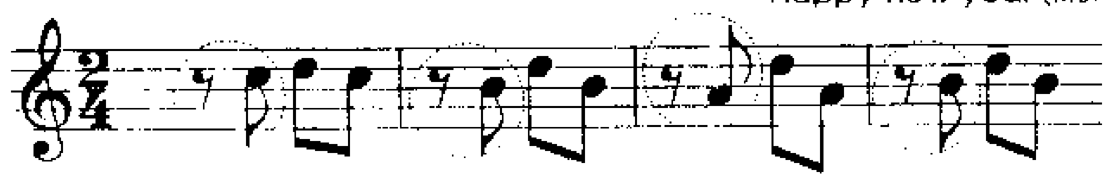

* Dấu lặng thay thế phần mạnh của phách

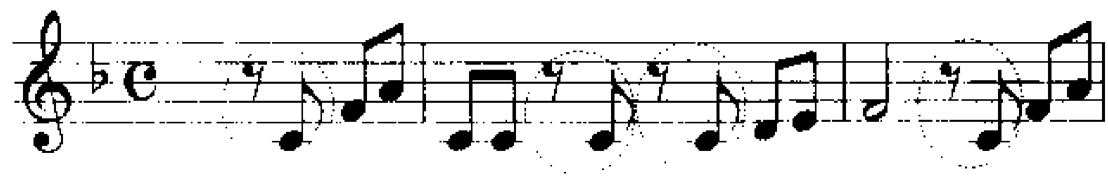

<u>Chú ý</u> : Không gọi là nghịch phách, khi dấu lặng thay thế cho phách nhẹ hoặc phần nhẹ của phách nhẹ.

1. Dùng viết chì khoanh tròn nhóm nốt có nghịch phách trong bài tập dưới đây :

NHẠC LÝ CĂN BẢN

THỰC HÀNH

*

*   *

Phần Tổng Kết

PHÂN TÍCH VÀ NHẬN XÉT
MỘT SỐ TÁC PHẨM

* QUỐC CA
* CHUYẾN ĐÒ QUÊ HƯƠNG
* ƠI CUỘC SỐNG MẾN THƯƠNG

PHÂN TÍCH & NHẬN XÉT MỘT SỐ TÁC PHẨM

QUỐC CA

Nhạc và lời : VĂN CAO

1. HÓA BIỂU :

* Bài có sử dụng 2 dấu hóa theo khóa (Si^b và Mi^b)
* Thuộc âm thể Si giáng trưởng (B^b)

2. NHỊP :

* Nhịp $\frac{4}{4}$, viết tắt là C
* Mỗi ô nhịp có 4 phách, mỗi phách là 1 nốt đen (♩)
Ô nhịp đầu tiên không đủ 4 phách nên gọi là **Nhịp lấy đà**.

3. TIẾT TẤU

* Ngoài các tiết tấu thông thường, trong bài có sử dụng các tiết tấu đặc biệt như :

Móc chấm và móc đôi

Đảo phách cân (1-1)

Đảo phách lệnh (2-1) 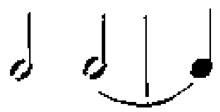

4. CÁC KÝ HIỆU KHÁC :

- Dấu tái đoạn 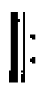
- Dấu lặng đen (𝄽) và lặng móc chấm(𝄾·)
- Dấu nối 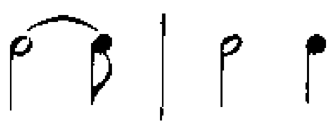

CHUYẾN ĐÒ QUÊ HƯƠNG

Nhạc và lời : VY NHẬT TẢO

1. HÓA BIỂU :

* Bài sử dụng 1 dấu hóa theo khóa (Dấu Si giáng)
* Thuộc âm thể Rê thứ (Dm)

2. NHỊP :

* Nhịp $\frac{2}{2}$, viết tắt ¢
* Mỗi ô nhịp có 2 phách, mỗi phách là 1 nốt trắng(𝅗𝅥)
* Ô nhịp đầu tiên thiếu 2 phách nên gọi là **nhịp lấy đà**.

3. CÁC KÝ HIỆU KHÁC :

* Dấu Luyến (Legato) : 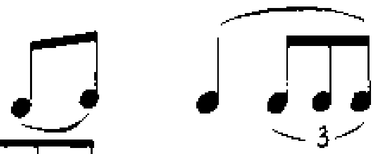
* Dấu Nối : 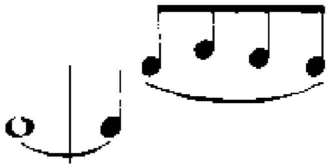
* Các dấu Lặng : Lặng đen (𝄽)
  Lặng móc đơn (𝄾)
* Sử dụng hết các dấu Hồi tấu 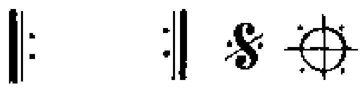
* Liên 3 móc đơn : 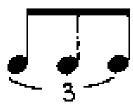
* Fade out : Lập lại nhiều lần,
  nhỏ dần và tắt hẳn.

ƠI CUỘC SỐNG MẾN THƯƠNG

Nhạc và lời : NGUYỄN NGỌC THIỆN

1. HÓA BIỂU :

* Bài sử dụng 1 dấu hóa theo khóa (Fa thăng)
* Thuộc âm thể Sol Trưởng (G)

2. NHỊP :

* Nhịp $\frac{2}{4}$
* Mỗi ô nhịp có 2 phách, mỗi phách là nốt đen

3. TIẾT TẤU :

* Đảo phách :
* Dấu Láy ngắn :
* Dấu Nối : 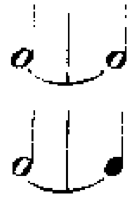

NHẠC LÝ CĂN BẢN

THỰC HÀNH

*

*   *

Phần Phụ Lục

* CÁCH ĐÁNH NHỊP
* KÝ HIỆU VÀ DANH TỪ THƯỜNG GĂP
* MỘT SỐ DANH TỪ ÂM NHẠC
* DANH TỪ ÂM NHẠC & Ý NGHĨA TƯƠNG ĐƯƠNG
* TỐC ĐỘ - CHỮ THAY ĐỔI TỐC ĐỘ
* KÝ HIỆU DIỄN TẤU
* DẤU NHẠC GHI TẮT

CÁCH ĐÁNH NHỊP.

A. TAY PHẢI :

NHỊP 2 PHÁCH

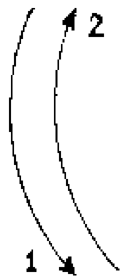

NHỊP 3 PHÁCH

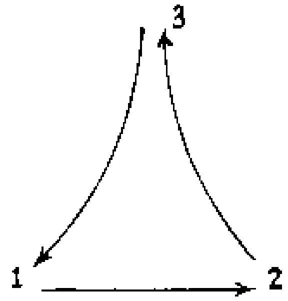

NHỊP 4 PHÁCH

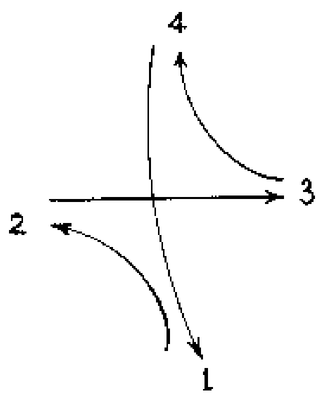

B. TAY TRÁI :

NHỊP 2 PHÁCH

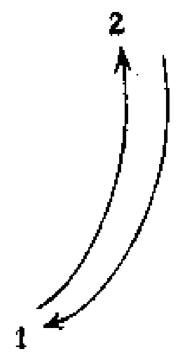

NHỊP 3 PHÁCH

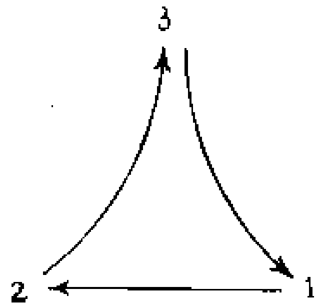

NHỊP 4 PHÁCH

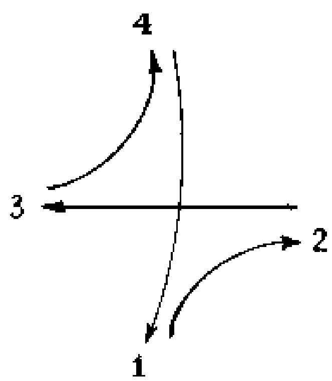

KÝ HIỆU VÀ DANH TỪ THƯỜNG GẶP

Ký hiệu	Ý nghĩa	Ký hiệu	Ý nghĩa
𝅝	Nốt Tròn	♯	Dấu Thăng
𝅗𝅥	Nốt Trắng	♯ 𝄪	Dấu Thăng kép
♩	Nốt Đen	♭	Dấu Giáng
♪	Nốt Móc Đơn	𝄫	Dấu Giáng kép
𝅘𝅥𝅯	Nốt Móc Đôi	♮	Dấu Bình
𝅘𝅥𝅰	Nốt Móc Ba	C	Nhịp 4/4
𝅘𝅥𝅱	Nốt Móc Tư	¢	Nhịp 2/2
𝄻	Lặng Tròn, Lặng 1 ô nhịp	𝄆 𝄇	Dấu Tái đoạn
		𝄋	Dấu Hoàn
𝄼	Lặng Trắng	𝄌	Dấu Coda
𝄽	Lặng Đen	𝄞	Khóa Sol
𝄾	Lặng Móc	𝄢	Khóa Fa
𝄿	Lặng Móc đôi	𝆒	Mạnh dần
𝅀	Lặng Móc ba	𝆓	Nhẹ, yếu dần
𝅁	Lặng Móc tư	𝆒𝆓	Mạnh rồi nhẹ dần
𝄐	Chấm Ngân tự do	D.C	Da Capo
𝄐 𝄾	Chấm Ngừng tự do	FIN,FINE	Hết

1^a	Lần thứ nhất	Speed	Nhịp độ, tốc độ
2^a	Lần thứ hai	Tempo	Nhịp độ, tốc độ
8^a	Quãng tám	Min	Tối thiểu
D.C	Trở lại từ đầu	Max	Tối đa
D.S	Đàn lại từ dấu 𝄋	Slow	Chậm
p	Êm nhẹ, khẽ	Fast	Nhanh
pp	Rất êm, khẽ	Balance	Cân bằng
mp	Nhẹ, êm vừa	Memory	Bộ nhớ
f	Mạnh	Start	Khởi động
ff	Rất mạnh	Synchro	Cùng khởi động
mf	Mạnh vừa	Echo	Tiếng vọng dội
pf	Hơi mạnh	Sustain	Tiếng ngân vang
Cresc.	Mạnh dần	Vibrato	Tiếng rung mềm
Decresc.	Nhẹ dần	Trémolo	Rung, vê 1 nốt nhạc
dim	Bớt dần	Reverb	Tiếng vang
Rall	Chậm dần	Duet	Hai bè
Rit	Chậm lại	Rhythm	Tiết tấu
Ad. Lib	Tùy ý, tự do	Syncope	Đảo phách
Fill in	Báo trống	Tacet	Không đàn, hát
Ending	Câu kết	Voice	Âm, tiếng đàn
S/A	Không đệm	Chord	Hợp âm
N.C	Không đệm	Melody	Giai điệu

NHẠC LÝ	Lý thuyết về âm nhạc, các qui luật căn bản để ghi lại hoặc diễn tấu một tác phẩm âm nhạc.
XƯỚNG ÂM	Hát tên nốt trên khuông nhạc đúng nhịp, đúng cao độ, trường độ và sắc thái.
KÝ ÂM	Các nguyên tắc về cách viết một bản nhạc.
KÝ XƯỚNG ÂM	Môn học giúp cho ta những phương pháp viết và hát 1 bản nhạc.
GIAI ĐIỆU	Các âm thanh lần lượt phát ra, được hệ thống và hoàn chỉnh về hình thức và nội dung.
HỢP ÂM	Các âm thanh cùng phát ra một lượt, có cao độ khác nhau. Các nốt nhạc viết theo chiều đứng.
TIẾT TẤU	Sự nối kết các âm thanh theo 1 thứ tự nhịp nhàng giữa phách mạnh và phách nhẹ, tạo nên 1 chuyển động có sức sống cho âm nhạc.
BẬC	Vị trí của âm trong 1 âm giai.

NHỊP	Sự phân chia bản nhạc ra từng phần (ô nhịp). Mỗi phần, có số lượng phách có trường độ bằng nhau.
PHÁCH	Là một phần trường độ, làm đơn vị thời gian của nhịp.
TRƯỞNG	Cho cảm giác sáng, linh động vui tươi, phấn khởi.
THỨ	Ngược với Trưởng, cảm giác khi nghe Thứ có vẻ ảm đạm, u buồn sâu lắng trữ tình.
TỐC ĐỘ	Mức độ nhanh chậm, của sự diễn tấu một bản nhạc.
ĐƠN CA	1 người hát.
ĐỘC TẤU	1 người đàn.
HỢP XƯỚNG	Hát nhiều bè, nhiều giọng.
NGHỊCH PHÁCH	Dấu Lặng thế vào chỗ của phách mạnh hay phần mạnh của phách.
ĐẢO PHÁCH	Đảo thứ tự phách mạnh, nhẹ. Khi nghe, có cảm giác phách mạnh thành phách nhẹ, phách nhẹ thành phách mạnh.
SẮC THÁI	Mức độ mạnh, nhẹ, to, nhỏ.

MỘT SỐ DANH TỪ ÂM NHẠC

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Abbandono	Bỏ lơi
Abbandonamente	Lơi nhịp
Accarezzevole	Dịu dàng
Affecttuoso	Nồng nhiệt
Agitato	Sôi nổi, xao xuyến
Amabile	Dễ thương (duyên dáng)
Alla	Theo điệu (theo lối)
Allamarcia	Theo điệu hành khúc
Allapolacca	Theo điệu vũ khúc Ba Lan
Amoroso	Tình tứ
Animato	Hào hứng nhộn nhịp
Appassionato	Với sự say mê
Ardente	Nồng nhiệt, đầy nhiệt tình
Brillante	Rực rỡ, huy hoàng
Buffo	Hài hước
Burlesco	Hài hước
Calando	Giảm lực độ và tốc độ
Cantabile	Như hát, du dương
Capriccioso	Biến đổi tính cách bất thường

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Con amore	Tính tứ, với sự say mê tình tứ
Con anima	Với sự hào hứng, với sự sôi nổi
Con bravura	Rực rỡ, chói lọi
Con brio	Với sự hăng hái, nồng nhiệt
Con calore	Với sự hăng hái, nồng nhiệt
Con dolcezza	Mềm mại, dịu dàng
Con dolore	Với sự đau xót
Con espressione	Với sự biểu lộ
Con forza	Với sức mạnh
Con fuoco	Có lửa
Con grazia	Với sự duyên dáng, kiều diễm
Con malinconia	Với nỗi thê lương buồn bã
Con moto	Linh hoạt, linh động
Con passione	Với sự say mê
Con spirito	Với sự hào hứng
Con tenerezza	Với sự dịu dàng, âu yếm
Con vigore	Với sức mạnh, một cách vững chắc
Deciso	Một cách quyết định
Dolce	Mềm mại, dịu dàng
Dolcissimo	Rất mềm mại, rất dịu dàng

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Doloroso	Đau xót, ai oán
Elegante	Kiều diễm, mỹ miều
Elegiaco	Đau xót, ai oán
Energico	Đầy nghị lực
Eroico	Quả cảm
Espressivo	Có ý vị, có sức biểu hiện
Flebile	Ai oán
Feroce	Thô lỗ, dữ dội
Festivo	Vui mừng, hoan hỉ
Fiero	Tự hào, kiêu hãnh
Fresco	Tươi, mát
Funebre	Bi ai, buồn thảm
Furiosc	Điên dại, dữ dội
Giocoso	Bông đùa, đùa rỡn
Gioioso	Vui thú, vui vẻ
Grandioso	Lộng lẫy, huy hoàng
Grazioso	Duyên dáng, yêu kiều
Guerriero	Tính cánh chiến đấu, thượng võ
Imperioso	Có tính chất mệnh lệnh
Impetuoso	Mãnh liệt, vũ bão

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Lagrimoso	Thanh vân
Languido	Uể oải, lờ đờ
Lamentabile	Ai oán
Leggiero	Nhẹ nhàng
Leggierissimo	Rất nhẹ nhàng
Lugubre	Thê lương, buồn bã
Lusingando	Quyến rũ, cám dỗ
Maestoso	Trang nghiêm, hùng vĩ
Malinconico	Buồn bã, thê lương
Marcato	Nhấn mạnh, dằn mạnh
Marciale	Có hình tượng đi đều bước
Marziale	Tính cách chiến đấu
Mesto	Buồn bã
Misterioso	Huyền bí
Morendo	Tắt dần
Parlando	Như nói
Pastorale	Mục đồng ca, thôn ca
Patetico	Thiết tha, nhiệt thành
Pesante	Nặng nề, chậm chạp
Piangendo	Thiểu não

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Quieto	Bình tĩnh
Recitando	Như kể
Religioroso	Tín ngưỡng
Rigoroso	Nghiêm khắc, khắt khe
Rustico	Trong tính cách nông thôn (mộc mạc giản dị)
Risoluto	Quyết định
Scherzando	Đùa giỡn
Scherzeso	Đùa giỡn
Semplice	Giản dị
Sensibile	Dễ cảm, đa cảm
Serioso	Nghiêm chỉnh
Smorzando	Tắt dần
Soave	Duyên dáng, dịu dàng
Soavemente	Duyên dáng, dịu dàng
Sonore	Ngân vang, kêu vang
Spianato	Với sự hồn nhiên, giản dị
Spirituoso	Đầy tình cảm, phấn khởi
Strepitoso	Ồn ào, dữ dội
Teneramente	Dịu dàng
Tranquillo	Bình tĩnh

PHỤ LỤC

A. CHỮ GHI TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

NHỊP ĐỘ CHẬM

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Largo	Chậm rãi, từ tốn, rộng rãi
Larghetto	Nhanh hơn 1 chút
Lento	Chậm chạp
Adagio	Chậm, thong thả
Grave	Chậm, nặng nề

NHỊP ĐỘ TRUNG BÌNH

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Andante	Từ tốn, không vội vã
Andantino	Nhanh hơn một chút
Moderato	Trung bình, vừa phải
Sostenuto	Kềm, hãm lại
Allegretto	Linh hoạt, nhanh vừa

NHỊP ĐỘ NHANH

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Allegro	Nhanh, sôi động
Vivo	Sôi nổi
Vivace	Sôi nổi, sống động
Vivacissimo	Rất sôi nổi, rất sống động
Veloce	Mau, nhanh
Presto	Rất nhanh, rất mau
Prestissimo	Cực nhanh, nhanh tối đa

B. CHỮ PHỤ BỔ SUNG CHO TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Molto	Rất
Assai	Rất, khá
Possibile	Có thể đến 1 mức độ nào dó
Con moto	Linh hoạt
Non troppo	Không quá
Non tanto	Không nhiều lắm
Sempre	Luôn luôn, thường xuyên
Poco	Một ít, một chút, không nhiều
Pochettino	Một ít thôi, hơi 1 ít
Pochissimo	Rất ít

DANH TỪ ÂM NHẠC VÀ Ý NGHĨA TƯƠNG ĐƯƠNG

Pháp (P) Anh (A) Ý (Y)

Dấu luyến	Legato (Ý)
Dấu tách	Staccato (Ý)
Dấu chấm ngân	Dấu chấm lưu, Point d'orgue (P)
Dấu hồi tấu	Dấu hồi tống, Dấu tái đoạn
Hết	Fin (Pháp) Fine (Ý)
Dấu biến cường	Nuance (P)
Ô nhịp	Trường canh, Mesure (P)
Vạch nhịp	Sổ trường canh
Phách	Thì, Temps (P)
Liên ba	Chùm ba
Liên sáu	Chùm sáu
Đảo phách	Nhịp chỏi, Đảo nhịp, Syncope (P)
Nghịch phách	Contre-temps (P)
Âm giai	Thang âm trong quãng 8, Gam Gamme (P) Gamma (Ý)
Âm thể	Cung, Ton, Thức, Tonalité
Chủ âm	Âm chủ, Nguyên âm, Tonique

Át âm	Thống âm, Âm át, Dominante
Cảm âm	Âm dẫn lên, Âm cảm, Sensible
Chuyển cung	Chuyển điệu, Modulation (P)
Chuyển dịch	Dịch giọng, Transposition (P)
Nửa cung	Bán cung, Demi-ton (P)
Cung	Nguyên cung, Ton (P), Tone (A)
Nửa cung dị	Nửa cung diatonique
Nửa cung đồng	Nửa cung chromatique
Âm giai trưởng	Gamme Majeur (P) Major (A)
Âm giai thứ	Gamme Mineur (P) Minor (A)
Hợp âm thuận	Hợp âm ba, Accord parfait (P)
H (Đức, Latinh)	Nốt Si, Âm giai Si
Dur (Đức, Latinh)	Trưởng, Xuân. Thí dụ : A.dur = La trưởng B.dur = Si giáng trưởng C.dur = Đô trưởng D.dur = Rê trưởng E.dur = Mi trưởng F.dur = Fa trưởng G.dur = Sol trưởng H.dur = Si trưởng

Moll (Đức, Latinh)	Thứ, Ai. Thí dụ : a.moll = La thứ b.moll = Si giáng thứ c.moll = Đô thứ d.moll = Rê thứ e.moll = Mi thứ f.moll = Fa thứ g.moll = Sol thứ h.moll = Si thứ
Is (Đức, Latinh)	Ký hiệu thăng (♯) Ais.dur = La thăng trưởng ais.moll = La thăng thứ Cis.dur = Đô thăng trưởng cis.moll = Đô thăng thứ
Es(Đức, Latinh)	Ký hiệu giáng (♭) Es.dur = Mi giáng trưởng es.moll = Mi giáng thứ Fes.dur = Fa giáng thứ Ges.dur = Sol giáng trưởng As.dur = La giáng trưởng as.moll = La giáng thứ

TỐC ĐỘ, CHỮ THAY ĐỔI TỐC ĐỘ

TỐC ĐỘ

VIẾT TẮT	TIẾNG Ý	Ý NGHĨA	SỐ TỐC ĐỘ
	Grave	*Nghiêm trang*	♩ = 44
	Largo	*Chậm, rộng rãi*	♩ = 48
	Larghetto	*Hơi chậm*	♩ = 50
	Lento	*Chậm*	♩ = 52
Ad^{go}	*Adagio*	*Thong thả*	♩ = 54
And^{te}	*Andante*	*Thư thái, không vội*	♩ = 60
And^{o}	*Andantino*	*Gần như thư thái*	♩ = 66
Mod^{to}	*Moderato*	*Vừa phải*	♩ = 80
Alleg^{to}	*Allegretto*	*Hơi vui*	♩ = 100
All^{o}	*Allegro*	*Vui, hơi nhanh*	♩ = 116
	Vivace	*Hoạt, nhanh*	♩ = 126
	Presto	*Nhanh*	♩ = 144
	Prestissimo	*Rất nhanh*	♩ = 188

CHỮ THAY ĐỔI TỐC ĐỘ

VIẾT TẮT	TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Rall	*Rallentando*	*Chậm dần*
Rit	*Ritardando*	*Chậm lại*
Riten	*Ritenuto*	*Kìm lại*
Accel	*Accelerando*	*Thúc nhịp*
String	*Stringendo*	*Siết chặt*
	A Placere	*Tùy thích*
Ad. lib.	*Ad Libitum*	*Tùy ý, tự do*
	Poco a poco	*Dần dần*
	Meno presto	*Bớt nhanh*
	Più mosso	*Nhanh hơn*
T°pr.	*Tempo primo*	*Quay lại tốc độ đầu*
A. t.	*A Tempo*	*Trở lại tốc độ cũ*
	Tempo di Marcia	*Nhịp hành khúc, nhịp đi*

KÝ HIỆU DIỄN TẤU

KÝ HIỆU	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
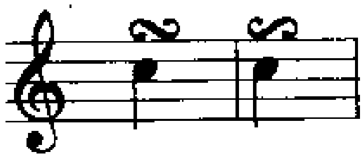	*Láy chùm* 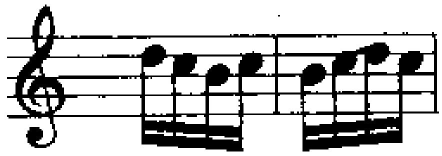
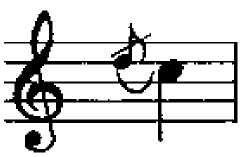	*Láy đầu ngắn* 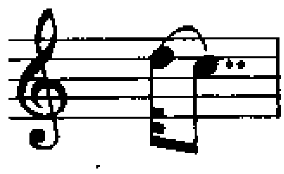
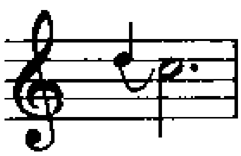	*Láy đầu dài* 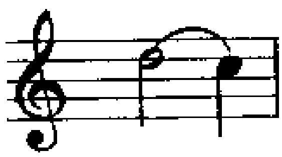
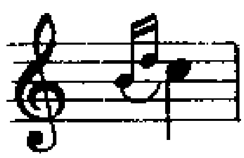	*Láy đầu kép* 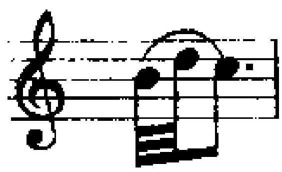
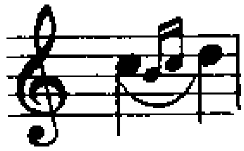	*Láy đuôi* 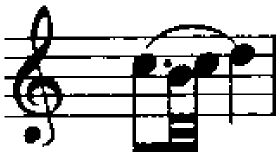

KÝ HIỆU	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
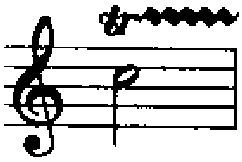	*Láy rền* 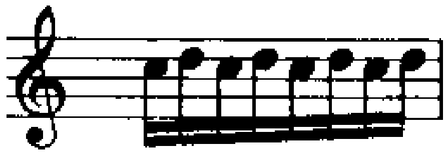
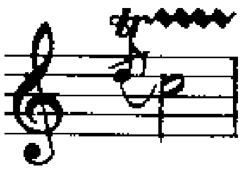	*Láy rền có lèo*
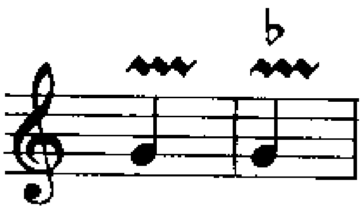	*Láy vỗ lên* 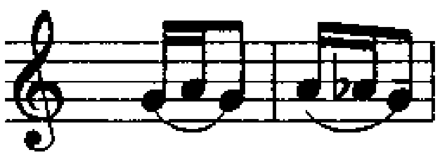
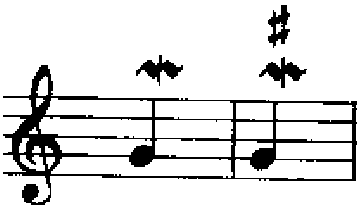	*Láy vỗ xuống* 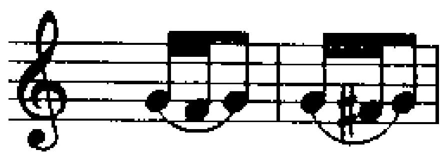
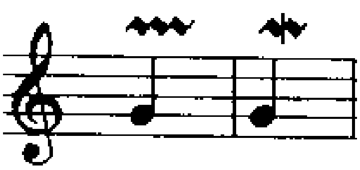	*Láy vỗ dài* 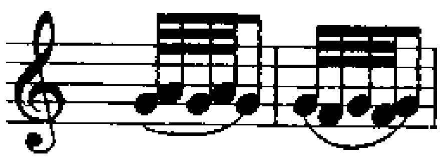

DẤU NHẠC VIẾT TẮT

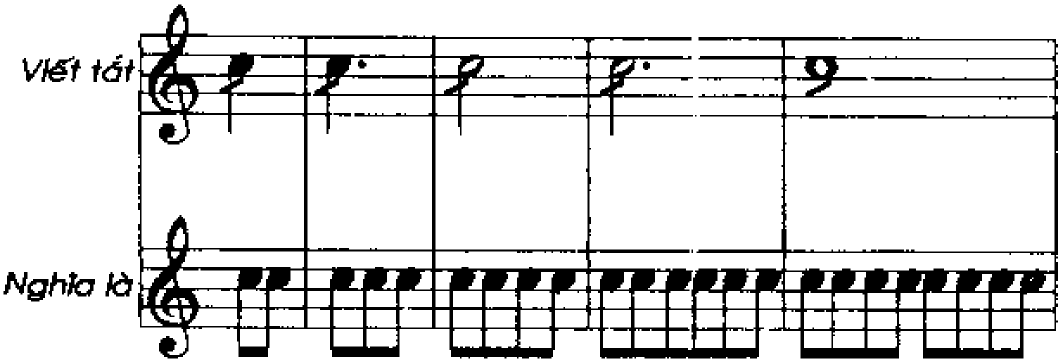

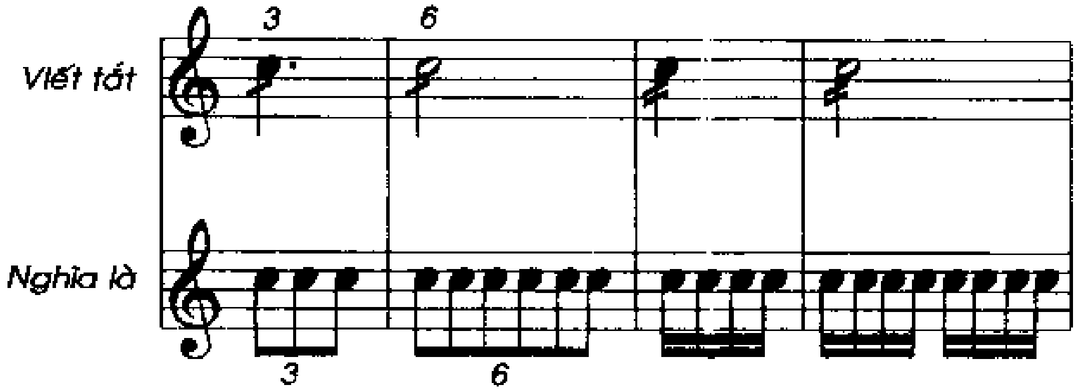

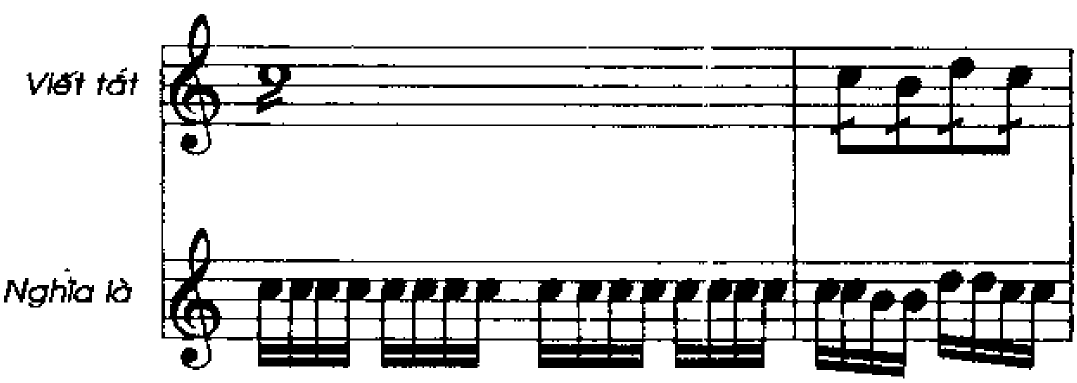

Viết tắt
Nghĩa là

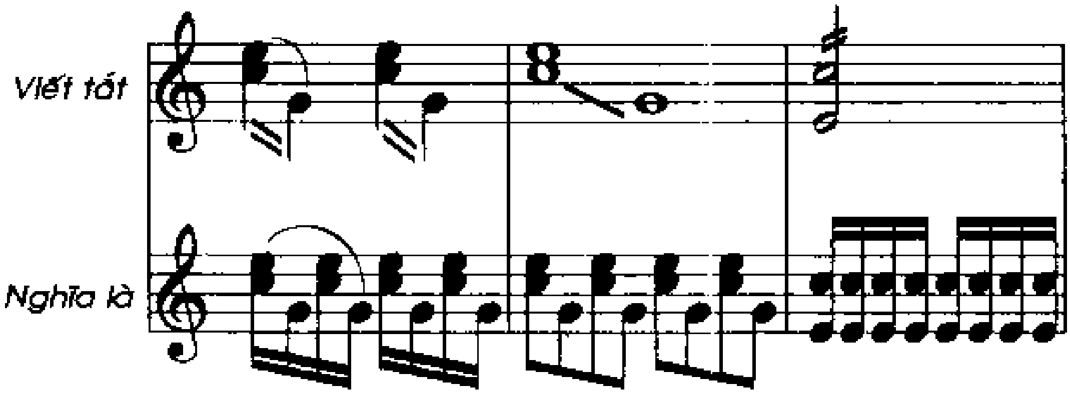
Viết tắt
Nghĩa là

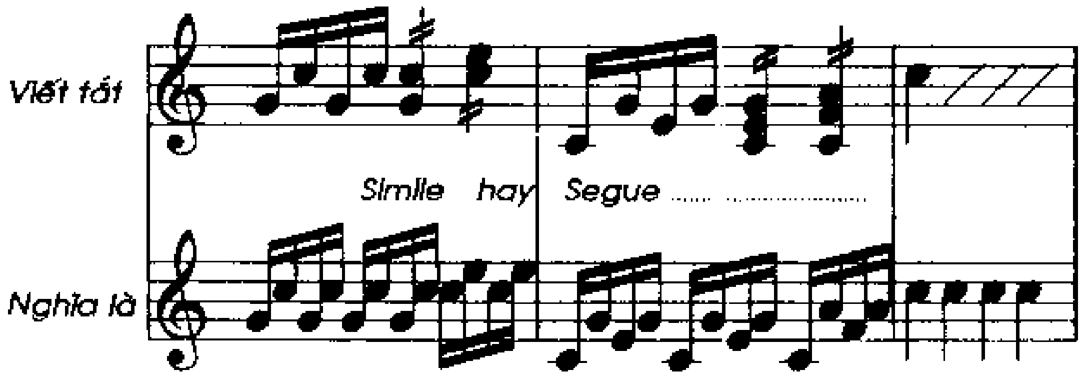
Viết tắt
Simile hay Segue
Nghĩa là

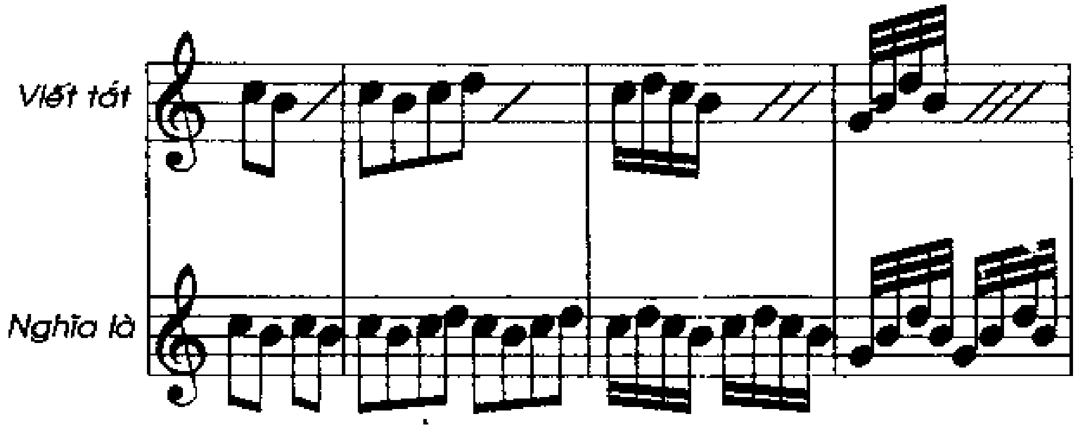
Viết tắt
Nghĩa là

Viết tắt
Nghĩa là

Viết tắt
Nghĩa là

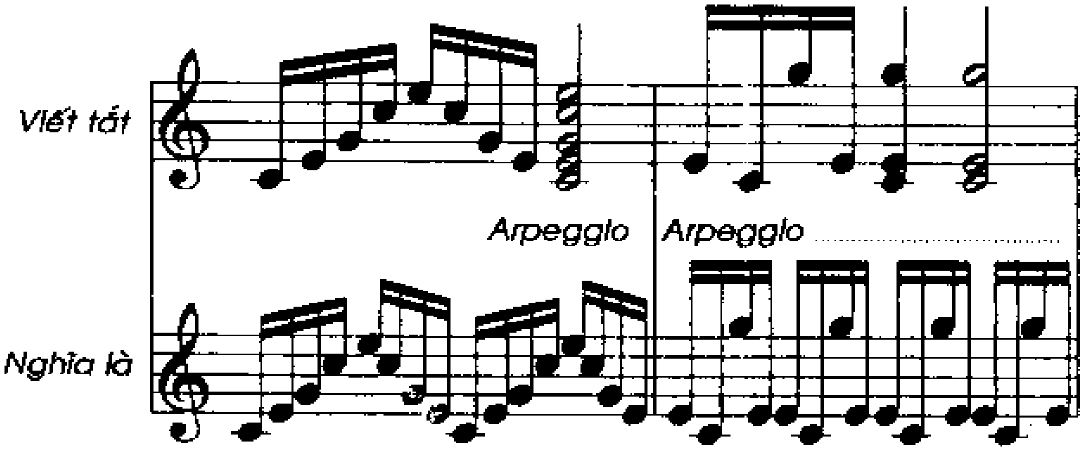
Viết tắt
Arpeggio
Arpeggio
Nghĩa là

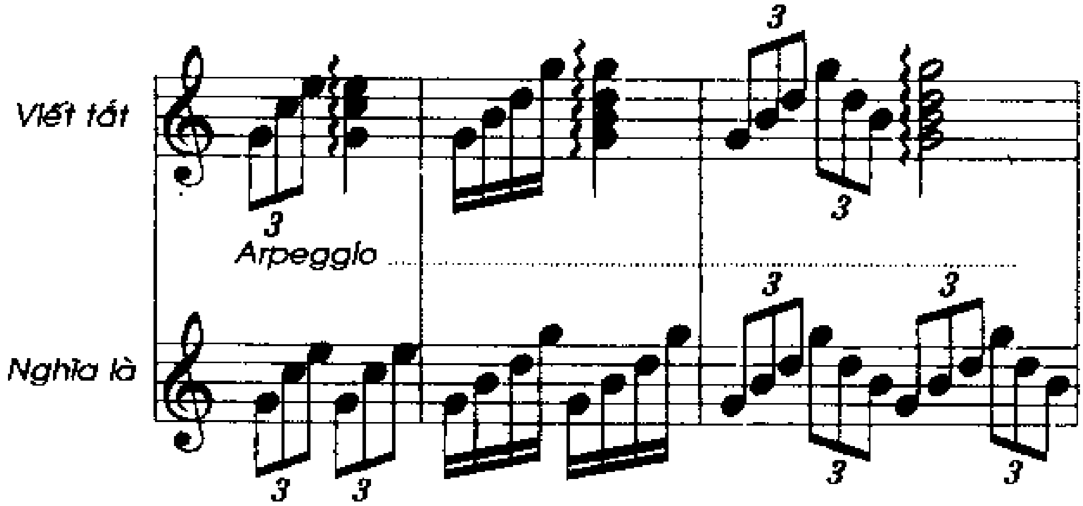
Viết tắt
3
3
3
Arpeggio
Nghĩa là
3
3
3
3
3
3

Viết tắt
Nghĩa là

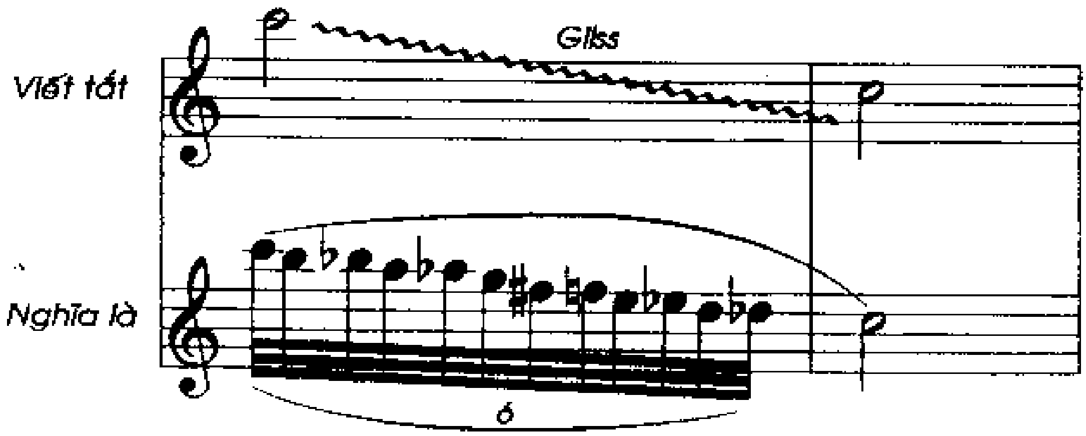

DẤU LẶNG DÀI

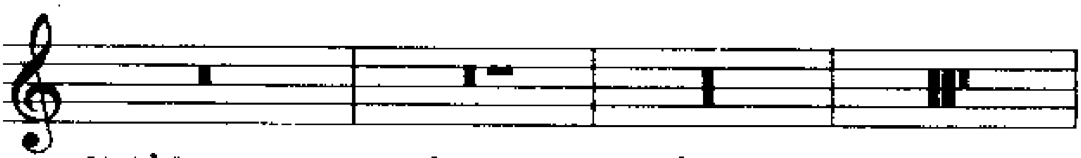

Nghỉ 2 ô nhịp   Nghỉ 3 ô nhịp   Nghỉ 4 ô nhịp   Nghỉ 10 ô nhịp

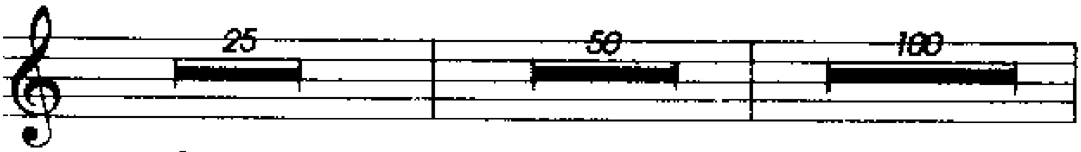

Nghỉ 25 ô nhịp   Nghỉ 50 ô nhịp   Nghỉ 100 ô nhịp

MỤC LỤC

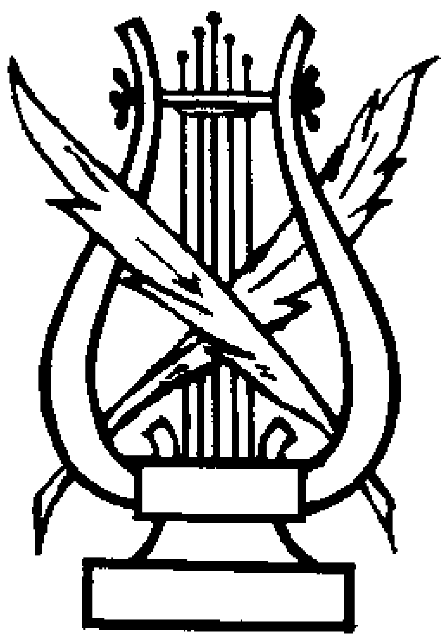

Chịu trách nhiệm xuất bản
NHẠC SĨ LƯƠNG DŨNG
Biên tập nội dung
NHẠC SĨ VÕ TẤN NGỌC – NHẠC SĨ MINH NHẬT
Biên tập kỹ thuật : **NGUYỄN TƯƠI**
Trình bày bìa : **MAI KIM SƠN**
Sửa bản in : **BÙI ĐẶNG NGỌC TRANG**

In 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm ,tại XN VHP Bến Thành – Quận 1 – TPHCM
Quyết định xuất bản số 38/QĐXB-ÂN ngày 20/03/2006 của Nhà xuất bản Âm nhạc
Căn cứ giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 11/XB-QLXB ngày 04/01/2006
Của Cục xuất bản . In xong và nộp lưu chiểu tháng 09- 2006.